

ĐỀ TÀI KHOA HỌC

SỐ: 2.2.10-CS07

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ĐỀ XUẤT VẬN DỤNG VÀO NGÀNH THỐNG KÊ

1. Cấp đề tài : Cơ sở
2. Thời gian nghiên cứu : 2007
3. Đơn vị chủ trì : Viện Khoa học Thống kê
4. Đơn vị quản lý : Viện Khoa học Thống kê
5. Chủ nhiệm đề tài : CN. Phạm Thành Đạo
6. Những người phối hợp nghiên cứu:
Vũ Thị Mai
Đinh Thị Thúy Phương
Nguyễn Thị Thái Hà
7. Điểm đánh giá nghiệm thu đề tài: 8,3

PHẦN I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VÀ KINH NGHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA MỘT SỐ NƯỚC

I. Kinh nghiệm quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học trong các tổ chức nghiên cứu khoa học của Nhà nước

1. Quản lý dựa trên hoạt động tự giác của đối tượng quản lý

Trong tổ chức nghiên cứu của nhà nước, các nước thường ít đưa ra những quy định mang tính ép buộc cán bộ nghiên cứu phải tuân thủ các quy định về thời gian, địa điểm làm việc,... và thay vào đó là coi trọng các biện pháp khuyến khích tính tự giác của đối tượng quản lý.

Nhìn chung, chủ trương quản lý dựa trên hoạt động tự giác thể hiện gián tiếp theo nguyên tắc: những gì không cấm thì được làm. Ngoài ra, cũng có những trường hợp quy định cụ thể, như Luật về Định hướng và lập chương trình cho nghiên cứu và phát triển Cộng hòa Pháp đã nêu: "Để hoàn thành các nhiệm vụ nghiên cứu của Nhà nước, các quy chế đối với cán bộ nghiên cứu hoặc những nguyên tắc về sử dụng cán bộ nghiên cứu cần phải đảm bảo cho cán bộ tự chủ trong nghiên cứu khoa học, tham gia vào việc đánh giá các công trình của mình..." (Điều 25).

2. Coi trọng vai trò cá nhân nhà khoa học

Việc coi trọng vai trò cá nhân đòi hỏi một cách thức quản lý linh hoạt, đủ để xử lý phù hợp với từng trường hợp cụ thể. Ở Pháp, Điều 26 của Luật về Định hướng và lập chương trình cho nghiên cứu và phát triển cho phép đơn vị nghiên cứu "bỏ qua nguyên tắc tuyển chọn qua thi cử mà có thể tuyển chọn qua chức danh và công việc", "bỏ qua nguyên tắc tuyển chọn ban đầu vào các cấp bậc thấp nhất đối với những người có đủ trình độ". Cải tổ ở Trung Quốc cũng nhấn mạnh hướng chuyển từ chế độ Nhà nước dùng người sang chế độ đơn vị nghiên cứu dùng người.

Đơn vị nghiên cứu không chỉ có quyền quyết định trong tuyển dụng mà cả phân phối lợi ích. Theo tinh thần Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản và Chính phủ Trung Quốc về việc tăng cường sáng tạo công nghệ, phát triển KH&CN cao, các cơ quan nghiên cứu được mở rộng quyền tự chủ nhằm xây dựng cơ chế phân phối vật chất đối với cán bộ nghiên cứu khoa học và đối với các vị trí then chốt một cách linh hoạt.

Tính tự chủ của đơn vị nghiên cứu chủ yếu được thể hiện qua thủ trưởng đơn vị. Để quyền của thủ trưởng đơn vị không mâu thuẫn với vai trò của nhà khoa học nói chung, nhiều nước chú ý hoà nhập tối đa giữa người lãnh đạo và

cán bộ nghiên cứu. Họ đã có các biện pháp khác nhau như cán bộ nghiên cứu tham gia bầu lãnh đạo, chọn những nhà khoa học có uy tín làm lãnh đạo,...

Khía cạnh khác của quản lý dựa trên vai trò cá nhân có liên quan tới các nhà khoa học đầu ngành. Trong các tổ chức nghiên cứu, vai trò và quyền lực của các nhà khoa học đầu ngành rất lớn. Họ hoạt động độc lập theo những hướng chuyên môn và mặc nhiên trở thành người đứng đầu cả về mặt hành chính và chuyên ngành khoa học trong tổ chức nghiên cứu (có kinh phí để hoạt động, có quyền chọn người cộng tác với mình...)

Đồng thời với việc đề cao vai trò của các nhà khoa học đầu ngành, nhiều nước nhấn mạnh đến tạo lập môi trường cạnh tranh để các nhà khoa học, đặc biệt là lớp cán bộ nghiên cứu trẻ phát huy năng lực cá nhân của mình. Ngay cả những nước vốn xem nặng về thứ bậc thâm niên, tuổi tác, thì nay cũng coi trọng việc mở rộng cơ hội cho nhà khoa học trẻ thăng tiến. Mạnh dạn cất nhắc những cán bộ trẻ, năng động, sáng tạo và có tinh thần dám nghĩ, dám làm, thay vì chỉ chú ý những người có kinh nghiệm và có quá trình nghiên cứu lâu năm, được xem là nét mới trong quản lý nhân lực gần đây của Nhật Bản. Tương tự, ở Trung Quốc, một nội dung quan trọng trong cải cách chế độ nhân sự của cơ quan nghiên cứu khoa học là: Xây dựng chế độ sử dụng người trên cơ sở lấy cạnh tranh làm hạt nhân; giúp đỡ nhân tài KH&CN trẻ ưu tú, thông qua cạnh tranh chiếm lĩnh vị trí công tác then chốt, đồng thời phát huy tác dụng nòng cốt của họ; tổ chức tuyển chọn nhân tài một cách khoa học, giúp đỡ có trọng điểm, làm cho cán bộ KH&CN trẻ phát triển một cách nhanh nhất.

Phát huy vai trò của những cá nhân khoa học lỗi lạc đương nhiên sẽ tạo nên sự phân biệt giữa các cá nhân trong tập thể. Vấn đề là cần tránh để phân biệt biến thành thứ bậc hành chính cứng nhắc.

3. Khuyến khích và đảm bảo tự do của cán bộ nghiên cứu

Đây là chính sách được thể hiện khá rõ ở nhiều nước. Nội dung bao gồm:

- Tạo điều kiện cho tự do chuyên môn công tác: Chẳng hạn Luật Tiến bộ khoa học kỹ thuật Cộng hoà nhân dân Trung Hoa quy định: "Chính quyền nhân dân các cấp và các tổ chức sự nghiệp, xí nghiệp tạo môi trường và điều kiện cho việc chuyên môn hợp lý những người làm công tác khoa học, nhằm phát huy sở trường của họ". Luật về Định hướng và lập chương trình cho nghiên cứu và phát triển Cộng hoà Pháp quy định: Quy chế của cán bộ nghiên cứu phải giúp cho sự tự do trong "chuyên môn cán bộ trong các ngành nghề nghiên cứu ở cùng một cơ quan, chuyên môn trong cơ quan

nhà nước, trong cơ quan nghiên cứu nhà nước, các trường đại học, và giữa các cơ quan đó với các xí nghiệp".

- Tạo điều kiện tự do trong xác định chủ đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu: Điển hình như Luật về Trường đại học của Bang Nordrhein Westfalen thuộc Cộng hoà Liên bang Đức nhấn mạnh quyền của cán bộ nghiên cứu bao gồm: Tự do xác định vấn đề nghiên cứu, tự do trong xác định phương pháp nghiên cứu, tự do đánh giá và tự do công bố kết quả nghiên cứu.

- Tạo điều kiện tự do trong trao đổi thông tin: Học thuyết phát triển khoa học Nga (được ban hành kèm theo Sắc lệnh số 884 ký ngày 13/6/1996 của Tổng thống B. Enxin) nêu lên một trong những nguyên tắc quan trọng nhất trong chính sách khoa học của Nhà nước Nga là đảm bảo việc tiếp cận dễ dàng thông tin mở và quyền tự do trao đổi thông tin. Có thể thấy quy định tương tự trong Điều 25 của Luật về Định hướng và lập chương trình cho nghiên cứu và phát triển Cộng hoà Pháp,...

Các chủ trương trên được cụ thể hoá bằng các biện pháp quản lý cụ thể. Nổi bật là các biện pháp sau:

- Trung Quốc: Thông qua chế độ hợp đồng lao động để xác định mối quan hệ giữa đơn vị sử dụng với cá nhân cán bộ nghiên cứu, làm rõ quyền lợi và nghĩa vụ chủ yếu của từng bên.

- Pháp: Quy chế đặc cách tuyển dụng cán bộ khoa học trong tổ chức nghiên cứu Nhà nước (như bỏ qua nguyên tắc thi tuyển, bỏ qua nguyên tắc tuyển chọn ban đầu vào cấp bậc thấp nhất...) đã tạo điều kiện cho nhà khoa học đến và đi dễ dàng.

- Mỹ: Quy định rõ 15% thời gian làm việc của cán bộ nghiên cứu có thể dùng vào việc tự do nghiên cứu bất kể những vấn đề gì mà họ quan tâm; giao cho cán bộ nghiên cứu nhiều đề tài một lúc - kinh nghiệm cho thấy việc giao cho nhà khoa học một lúc 2-3 đề tài được coi là hợp lý, tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động.

4. Nâng cao thu nhập của nhà khoa học bằng lương và phụ cấp:

Mức lương hưởng từ ngân sách nhà nước của các nhà khoa học khác nhau nhiều giữa các nước. Tại nhiều nước Châu Âu, mức này thường ngang hoặc cao hơn lương của giới công chức đôi chút. Khoản thu nhập tuy không cao, nhất là so với doanh nhân, nhưng có độ ổn định cao. Đây là điều hợp lý theo ý nghĩa vừa đảm bảo điều kiện vật chất cho nhà khoa học sinh sống và tự do sáng tạo, vừa gián tiếp chống lại xu hướng chạy theo lợi ích vật chất

trong làm khoa học. Đương nhiên ngoài lương, các nhà khoa học có thể còn được cấp thêm những khoản tiền để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu thường xuyên của cá nhân. Ví dụ Nghị định số 543 ngày 7/5/1997 "Về các biện pháp khẩn cấp nhằm đẩy mạnh hỗ trợ Nhà nước cho khoa học, Liên bang Nga" quy định: Từ năm 1998, các cán bộ khoa học có trình độ cao và làm việc thường xuyên tại các tổ chức khoa học thuộc các cơ quan chính quyền hành pháp liên bang, Viện Hàn lâm khoa học Nga và các viện hàn lâm khoa học chuyên ngành hàng năm được cấp bù số tiền bằng 10 lần lương tối thiểu để mua tài liệu khoa học và trả dịch vụ thông tin khoa học để tiến hành các công tác thiết kế thử nghiệm khoa học.

Nhằm gắn nghiên cứu của cán bộ khoa học với hoạt động chung của đơn vị, một số nước đã thực hiện phương thức khoán quỹ lương cho tổ chức nghiên cứu của nhà nước.

II. Một số vấn đề chung về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học

2.1. Đặc điểm của các sản phẩm nghiên cứu khoa học

Sản phẩm đầu ra của hoạt động nghiên cứu khoa học là những tri thức mới và cách thức mới vận dụng tri thức để đưa ra các công nghệ mới, nhằm phục vụ tốt hơn cuộc sống của con người. Khác với hàng hóa và dịch vụ thông thường, khi bắt đầu tiến hành hoạt động nghiên cứu thường chưa nhìn thấy hình hài của sản phẩm cuối cùng, cũng như lợi ích kinh tế trước mắt của nó. Cụ thể các sản phẩm nghiên cứu khoa học có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, sản phẩm nghiên cứu khoa học thường chưa phải là sản phẩm cuối cùng bán đại trà trên thị trường, mà nó là nguyên lý hoặc công nghệ để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa. Vì là sản phẩm mới và dùng để sản xuất nên nhiều người chưa biết và nhận ra giá trị của nó, nên “cầu” đối với sản phẩm nghiên cứu thường chưa cao.

Thứ hai, sản phẩm nghiên cứu khoa học thường mang tính chất công cộng, chi phí để mở rộng diện sử dụng không lớn. Thêm người sử dụng sản phẩm không ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm của những người khác, chi phí đầu tư để thêm nhiều người được sử dụng không lớn như đối với sản xuất hàng hóa, thời gian để tất cả các đối tượng có nhu cầu được sử dụng sản phẩm mới nhanh hơn nhiều. Khi một nghiên cứu đạt kết quả thì nhiều người có xu hướng muốn sử dụng nó làm căn cứ khoa học cho công việc của mình và bao nhiêu người sử dụng cũng được, không hạn chế, nên không hình thành “cung” đối với sản phẩm đó. Ngay cả đối với sản phẩm nghiên cứu khoa học là công nghệ thì cũng không sản xuất ra hàng loạt công nghệ đó, mà chỉ tạo ra một số vừa đủ cho những người sử dụng công nghệ đó vào sản xuất hàng

hóa mà thôi. Đây chính là thế mạnh đặc biệt của sản phẩm khoa học công nghệ: một kết quả nghiên cứu, một công nghệ mới có thể được rất nhiều người khai thác sử dụng, nhiều người có thể hưởng lợi từ các kết quả nghiên cứu này. Việc phổ cập rộng rãi các công nghệ mới đã góp phần to lớn vào công cuộc phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo ở các nước trên thế giới như Trung Quốc, Việt Nam, Ấn độ....

Thứ ba, các sản phẩm nghiên cứu khoa học có cái có thể vận dụng được ngay nhưng cũng có cái chưa thể thấy được ứng dụng của nó, ngay cả khi nghiên cứu đã hoàn thành: đó là các nghiên cứu cơ bản, đặc biệt là những nghiên cứu cơ bản thuần túy. Trong khi đó, nghiên cứu cơ bản có vai trò rất quan trọng trong sự phát triển khoa học công nghệ. Nó là tiền đề, là đầu vào cho nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ. Có thể nói, không có nghiên cứu cơ bản thì không thể có những tiến bộ về công nghệ, sản phẩm và những phát minh khoa học mới. Nghĩa là giá trị sử dụng của sản phẩm nghiên cứu khoa học là có, nhưng không phải mọi người đều nhận thức được. Ngay cả đối với công nghệ mới nhiều người cũng chưa nhận ra giá trị sử dụng của nó nên không có nhu cầu sử dụng sản phẩm đó. Nghĩa là, “cầu” về một sản phẩm khoa học nào đó hình thành trên thị trường không phản ánh đúng “giá trị sử dụng” của sản phẩm đó. Ngay cả khi các công ty môi giới khoa học công nghệ phát triển và các chợ khoa học công nghệ được mở ra thường xuyên, thì quan hệ cung - cầu trên thị trường cũng không phản ánh đúng giá trị của sản phẩm nghiên cứu khoa học. Do đó nhiều nước đã gặp khó khăn trong việc xác định giá cả của sản phẩm nghiên cứu khoa học (điển hình như trường hợp Trung Quốc)

Thứ tư, các sản phẩm nghiên cứu khoa học có tính chuyên ngành cao: các sản phẩm nghiên cứu khoa học của ngành thống kê là các kiến thức, phương pháp luận ... làm cơ sở khoa học cho các hướng dẫn nghiệp vụ trong ngành thống kê, không sử dụng được trong các ngành khác nên thị trường rất hẹp.

2.2. Cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học

Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học là một chuyên ngành trong khoa học quản lý, là quá trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, kiểm soát và đưa ra các quyết định cần thiết nhằm phát huy khả năng sáng tạo của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học hoàn thành các nhiệm vụ nghiên cứu với chất lượng cao. Hoạt động quản lý được thực hiện thông qua các biện pháp quản lý, như: sử dụng phương pháp kế hoạch để tổ chức công tác quản lý, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, sử dụng các biện pháp quản lý phù hợp với lĩnh vực cần quản lý.... Các lĩnh vực quản lý có thể phân

tổ theo nhiều cách khác nhau nhưng một phân tổ được sử dụng khá phổ biến là: Quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học,....Quản lý nhà nước vận hành theo cơ chế hành chính, quản lý kinh tế theo cơ chế thị trường là những lĩnh vực được quản lý theo cơ chế đơn. Nghĩa là trong quản lý kinh tế theo cơ chế thị trường việc áp dụng các biện pháp hành chính chỉ làm cho nền kinh tế thêm rối loạn và kém hiệu quả. Còn áp dụng cơ chế thị trường vào quản lý hành chính Nhà nước thì nhiều chủ trương đúng đắn của Nhà nước sẽ bị “đồng tiền” làm sai lệch đi và tình trạng tham nhũng là khó tránh khỏi. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học trong các cơ sở nghiên cứu công lập là bằng một cơ chế đặc thù: có một bộ máy quản lý, ở cấp quốc gia là Bộ Khoa học và Công nghệ, ở các Bộ, ngành là các Vụ quản lý khoa học và ở các Viện nghiên cứu là phòng quản lý. Bộ máy hành chính này có thể quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học theo cơ chế hành chính, cũng như nền kinh tế có thể quản lý theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung (hành chính) nhưng hiệu quả thấp. Để nâng cao hiệu quả quản lý thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển, bộ máy hành chính này cần quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với cơ chế thị trường và đặc điểm của hoạt động khoa học công nghệ. Như vậy, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học là theo cơ chế kép: bộ máy quản lý hành chính quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với cơ chế thị trường, nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo của hoạt động nghiên cứu khoa học. Cơ chế kép của quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học là rất đặc thù chỉ riêng có cho quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học. Vận dụng các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với cơ chế thị trường khác với cơ chế hành chính ở những điểm sau:

+ Về động lực của hoạt động nghiên cứu - lợi ích: Cơ chế kế hoạch tập trung lợi ích chung được đưa lên hàng đầu, lợi ích cá nhân phải tìm cách thích ứng vào đó, cơ chế thị trường đặt lợi ích cá nhân lên trước, nhưng lợi ích cá nhân chỉ có thể đạt được nếu cũng bảo đảm lợi ích chung. Lợi ích cá nhân của cán bộ nghiên cứu đạt được càng nhiều khi các kết quả nghiên cứu của họ càng phục vụ tốt cho xã hội. Do đó các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu phải: Khuyến khích tinh thần chủ động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ nghiên cứu. Các cán bộ nghiên cứu không những chỉ được thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu nằm trong định hướng nghiên cứu của ngành mà có thể đăng ký nghiên cứu những đề tài khác mà họ thấy có thể góp phần nâng cao năng lực nghiệp vụ của ngành.

+ Về phương thức thực hiện quản lý: Trong cơ chế hành chính các cán bộ quản lý có vai trò rất quan trọng, nhưng nhiều khi nhiệm vụ được giao quá

nặng đối với một con người mà đáng ra phải xã hội hóa nhiệm vụ quản lý đó. Ví dụ trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung một người phải lập kế hoạch cho một sản phẩm nào đó mà trong cơ chế thị trường công việc này được xã hội hóa theo cách: Nhà nước định hướng, người sản xuất, người tiêu dùng... cùng tham gia xây dựng kế hoạch. Trong hoạt động quản lý khoa học theo cơ chế hành chính Nhà nước quy định các định mức “cứng”, cán bộ quản lý đánh giá chất lượng kết quả nghiên cứu và thanh toán theo các định mức của Nhà nước. Việc giao cho cán bộ quản lý đánh giá chất lượng kết quả nghiên cứu là vượt quá sức của họ. Trước một nhiệm vụ không thể hoàn thành tốt, họ thường trở nên cứng nhắc và máy móc, ví dụ căn cứ vào số trang của báo cáo để nghiệm thu... Và cán bộ quản lý trở thành người chạy theo các công việc hành chính, sự vụ... Trong cơ chế thị trường nhiệm vụ này được “xã hội hóa” theo cách: Bộ Khoa học Công nghệ đưa ra định mức trần, các phòng quản lý khoa học của các Viện căn cứ vào chất lượng nghiên cứu của ngành mình đã đạt được quy định định mức sàn, cho phép các chủ nhiệm đề tài được vận dụng thanh toán cho các kết quả nghiên cứu chuyên đề trên mức sàn nhưng không được vượt quá mức trần trên cơ sở chất lượng của kết quả nghiên cứu, đơn vị quản lý đề tài thưởng cho các đề tài đạt kết quả xuất sắc trên cơ sở đánh giá của hội đồng nghiệm thu... Nghĩa là cơ chế thị trường đã xã hội hóa hoạt động quản lý bằng cách: giao cho đúng người, đúng việc và người được giao có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

2.3. Vận dụng cơ chế thị trường trong quản lý các hoạt động nghiên cứu

Nguyên tắc chung: Do đặc thù của hoạt động nghiên cứu khoa học, chưa có cơ chế tự động gắn kết lợi ích của đội ngũ cán bộ nghiên cứu với lợi ích chung của xã hội, nên đội ngũ cán bộ quản lý bao gồm Bộ Khoa học và Công nghệ, các Vụ quản lý khoa học ở các bộ, ngành và các phòng quản lý của các Viện nghiên cứu phải thực hiện chức năng này. Cơ chế quản lý hành chính không khuyến khích tính năng động và sáng tạo của đội ngũ cán bộ nghiên cứu, trong khi đối với hoạt động nghiên cứu khoa học thì tiềm năng sáng tạo của cán bộ nghiên cứu được cho là nguồn tài nguyên chính. Để hoạt động nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cần vận dụng cơ chế thị trường. Một động lực quan trọng cho mọi hoạt động là lợi ích cá nhân. Trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, mục đích chung được xác định và mọi lợi ích cá nhân chỉ đạt được nếu tham gia vào phục vụ mục đích chung. Trong cơ chế thị trường lợi ích cá nhân được đặt lên trước. Mọi người chạy theo lợi ích cá nhân, nhưng lợi ích cá nhân chỉ có thể đạt được nếu nó phục vụ cho một ai đó trong xã hội, nghĩa là phục vụ xã hội. Trong hoạt động nghiên cứu khoa học lợi ích của xã

hội là nghiên cứu phải có kết quả và kết quả đó phục vụ cho sự phát triển của khoa học công nghệ.

Yêu cầu của biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với cơ chế thị trường :

+ Khuyến khích tinh thần chủ động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ nghiên cứu. Các cán bộ nghiên cứu không những chỉ được thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu nằm trong định hướng nghiên cứu của ngành mà có thể đăng ký nghiên cứu những đề tài khác góp phần nâng cao năng lực nghiệp vụ của ngành. Nghĩa là cán bộ nghiên cứu được tự do hơn trong lựa chọn đề tài nghiên cứu, nhưng cán bộ quản lý sẽ quan tâm hơn đến kết quả nghiên cứu và hiệu quả ứng dụng.

+ Nâng cao tính công khai, minh bạch của hoạt động nghiên cứu cũng như các chi phí cho hoạt động này.

+ Khuyến khích thỏa đáng về vật chất và tinh thần cho các kết quả nghiên cứu đạt chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của xã hội như cơ chế thị trường vẫn thường đối xử với các sản phẩm có lợi nhuận cao.

+ Quản lý phù hợp với cơ chế thị trường có thể bằng cả các biện pháp hành chính:

Bằng văn bản hành chính chúng ta trao cho cán bộ nghiên cứu những quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm nhất định dưới sự giám sát của cán bộ quản lý như:

- Trao quyền cho chủ nhiệm đề tài xây dựng đề cương chi tiết thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và bảo vệ đề cương này trước hội đồng thông qua đề cương và lựa chọn chủ nhiệm đề tài.

- Trao quyền cho chủ nhiệm đề tài được điều chỉnh nhỏ về nội dung và kinh phí trong quá trình nghiên cứu dưới sự giám sát của cán bộ quản lý. Những điều chỉnh cơ bản hơn chủ nhiệm đề tài vẫn có quyền thực hiện, nhưng phải báo cáo cơ quan quản lý đề tài.

- Khoán tổng kinh phí cho chủ nhiệm đề tài. Trao cho chủ nhiệm đề tài được quyền vận dụng định mức chi tiêu cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Cụ thể các chủ nhiệm đề tài có thể chi cao hơn định mức cho những sản phẩm nghiên cứu đạt chất lượng cao.

Các biện pháp quản lý phù hợp với cơ chế thị trường của cán bộ quản lý:

+ Chấp nhận rộng rãi hơn những đăng ký đề tài của cán bộ nghiên cứu, nhất là những cán bộ nghiên cứu đã có kết quả nghiên cứu xuất sắc.

- + Công khai hoạt động và kết quả nghiên cứu của đề tài.
- + Coi trọng các biện pháp đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu của đề tài, kể cả các kết quả nghiên cứu chuyên đề.
- + Sử dụng mạnh mẽ công cụ khen thưởng, mức khen thưởng thỏa đáng theo chất lượng của đề tài. Công khai các tiêu chuẩn xét thưởng và thành lập các hội đồng bình chọn, xét khen thưởng có uy tín.

2.4. Những điểm cần chú ý khi vận dụng cơ chế thị trường

Các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học vận dụng phù hợp với cơ chế thị trường là những công cụ trong tay các nhà quản lý. Khi vận dụng phù hợp với cơ chế thị trường cần chú ý những điểm sau:

+ Những biện pháp thị trường do cán bộ quản lý thực hiện nên không khỏi chịu ảnh hưởng chủ quan của cán bộ quản lý. Những biện pháp này cũng không được nhanh nhậy như tác động thật sự của cơ chế thị trường.

+ Đội ngũ cán bộ quản lý phải thường xuyên nâng cao trình độ quản lý của mình theo kịp mức độ đổi mới chung của đất nước, nhất là hiểu đầy đủ cơ chế thị trường.

+ Hiệu quả cuối cùng của hoạt động quản lý là chất lượng sản phẩm nghiên cứu và đội ngũ cán bộ nghiên cứu có thu nhập thỏa đáng tương xứng với đóng góp của họ, đồng thời ngăn chặn những cách vận dụng hình thức gây lãng phí ngân sách dành cho nghiên cứu khoa học.

Để hiểu rõ hơn cách vận dụng phù hợp với cơ chế thị trường ta hãy làm phép so sánh sau:

Bảng đối chiếu giữa hai cơ chế:

Nội dung công việc	Cơ chế hành chính	Cơ chế thị trường
1. Ưu tiên giao nhiệm vụ nghiên cứu	Cán bộ lãnh đạo	Cá nhân có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học
2. Kinh phí nghiên cứu tập trung cho các nhiệm vụ nghiên cứu do	Lãnh đạo cao cấp làm chủ nhiệm	Các chủ nhiệm đề tài đã có kết quả xuất sắc
3. Định mức	Quy định danh mục các công việc được thanh toán và quy định một mức cho mỗi công việc	Bộ Khoa học và Công nghệ đưa ra định mức tối đa Các Viện: quy định định mức sản và giao cho chủ nhiệm đề tài

		được chi trên định mức sản theo chất lượng sản phẩm
4. Đánh giá kết quả các sản phẩm trung gian của đề tài	Cán bộ quản lý	Chủ nhiệm đề tài. Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả của đề tài.
5. Vai trò của cán bộ quản lý trong quá trình thực hiện đề tài	Cán bộ quản lý có vai trò chủ đạo trong quá trình thực hiện đề tài	Giao quyền tự chủ cho chủ nhiệm đề tài. Cán bộ quản lý đóng vai trò người tư vấn và giám sát.
6. Khen thưởng kết quả nghiên cứu	Chỉ để khuyến khích	Kinh phí cho đề tài là mức tối thiểu, trả thêm cho đề tài tương xứng với chất lượng đạt được.

PHẦN II

THỰC TRẠNG VẬN DỤNG CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG NGÀNH THỐNG KÊ

Hoạt động quản lý công tác nghiên cứu khoa học là hoạt động tổ chức, hỗ trợ công tác nghiên cứu và đánh giá kết quả nghiên cứu nhằm phát huy tiềm năng của đội ngũ cán bộ nghiên cứu, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu phát triển.

I. Nội dung hoạt động quản lý công tác nghiên cứu khoa học

Nội dung hoạt động quản lý công tác nghiên cứu khoa học bao gồm:

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm và giao kế hoạch về nghiên cứu cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của ngành Thống kê.

+ Tổ chức và quản lý công tác nghiên cứu khoa học trong ngành Thống kê.

+ Tổ chức triển khai các kết quả nghiên cứu khoa học đã hoàn thành. Đề xuất lộ trình vận dụng các thành tựu khoa học thống kê vào thực tiễn công tác của ngành Thống kê.

+ Tổng kết, khen thưởng và biểu dương phong trào nghiên cứu khoa học trong ngành Thống kê nhằm nhân rộng các điển hình tiên tiến ra toàn ngành.

+ Nghiên cứu vận dụng các thành tựu khoa học quản lý hoạt động nghiên cứu vào thực tiễn công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của ngành Thống kê.

Đề án đổi mới hoạt động khoa học thống kê của Viện Khoa học Thống kê đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê phê duyệt theo Quyết định số 416/2004/QĐ-TCTK ngày 30 tháng 7 năm 2004 đã cụ thể hóa nhiệm vụ của công tác quản lý khoa học của Viện Khoa học Thống kê như sau:

“Công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học thống kê phải tiến hành theo một quy trình hợp lý, tuân thủ quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, đúng chức năng và nhiệm vụ của Viện Khoa học thống kê, đồng thời đảm bảo phù hợp với điều kiện và đặc điểm thực tế của công tác thống kê trong mỗi thời kỳ.

a. Căn cứ vào chương trình nghiên cứu hàng năm của Ngành, theo yêu cầu nghiên cứu của Viện Khoa học thống kê và các đơn vị trong Tổng cục, Viện Khoa học thống kê đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu, dự kiến kinh phí cho các nội dung công việc, kiến nghị đơn vị chủ trì nghiên cứu các đề tài khoa học, để trình Lãnh đạo Tổng cục và Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

b. Đơn vị chủ trì giới thiệu chủ nhiệm đề tài (có sự thống nhất của Viện Khoa học thống kê), đề xuất danh sách cán bộ phối hợp nghiên cứu và liên đới chịu trách nhiệm về kết quả nghiên cứu của đề tài.

c. Chủ nhiệm đề tài phải xây dựng đề cương nghiên cứu với sự tham gia ý kiến của đơn vị chủ trì. Đề cương nghiên cứu phải có mục tiêu và nội dung rõ ràng, dự kiến danh mục sản phẩm đạt được, đề xuất lộ trình nghiên cứu cụ thể và có dự trù kinh phí phù hợp với nội dung nghiên cứu và sản phẩm đạt được.

d. Chủ nhiệm đề tài được chủ động trong quá trình triển khai nghiên cứu, ký kết hợp đồng với các tổ chức và cá nhân. Chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm về chuyên môn và kinh phí đối với các sản phẩm hoàn thành thông qua các hợp đồng nghiên cứu chuyên đề.

e. Viện Khoa học thống kê xét duyệt đề cương; hướng dẫn triển khai nghiên cứu; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ, nội dung nghiên cứu và tình hình sử dụng kinh phí của đề tài theo đúng đề cương được duyệt; tổ chức nghiệm thu đánh giá, đăng ký và chuyển giao kết quả nghiên cứu.

g. Việc tổ chức xét duyệt đề cương và nghiệm thu kết quả nghiên cứu đề tài phải được tiến hành nghiêm túc thông qua Hội đồng.

i. Có chế độ khen thưởng đối với những đề tài đảm bảo tiến độ nghiên cứu và đạt kết quả tốt; đồng thời xác định trách nhiệm hành chính đối với những đề tài chậm hoàn thành hoặc không đạt yêu cầu.

k. Các kết quả nghiên cứu được công bố công khai trên tờ “Thông tin khoa học thống kê” để phổ biến đến tất cả cán bộ của ngành Thống kê”.

Để thực hiện được những nội dung này công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học đã sử dụng các biện pháp sau:

+ Vận dụng phương pháp kế hoạch để xác định và giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

+ Quản lý từng đề tài bằng cán bộ theo dõi đề tài, tạm ứng kinh phí thực hiện.

+ Tăng dần quyền tự chủ của chủ nhiệm đề tài, khoán tổng kinh phí thực hiện và khen thưởng các đề tài đạt chất lượng cao....

+ Phương pháp nghiệm thu kết quả nghiên cứu bằng các hội đồng nghiệm thu.

II. Ưu, nhược điểm của các biện pháp đang sử dụng hiện nay

1. Phương pháp kế hoạch để xác định và giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học

Ưu điểm:

+ Kế hoạch nghiên cứu khoa học được xây dựng đã bám sát các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chung của Nhà nước nói chung và của ngành Thống kê nói riêng, đồng thời công tác xây dựng kế hoạch nghiên cứu được tuân thủ theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và hướng dẫn hàng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ, trong quá trình thực hiện kế hoạch nghiên cứu ít bị sai lệch so với kế hoạch nghiên cứu đã xây dựng.

+ Đã thực hiện việc xây dựng kế hoạch nghiên cứu hàng năm cho ngành Thống kê vào tháng 9 trước năm kế hoạch. Việc xác định các kế hoạch nghiên cứu khoa học và chuyên gia ứng dụng dựa trên định hướng phát triển khoa học công nghệ của nhà nước và chương trình công tác của ngành Thống kê hàng năm. Việc xây dựng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được đổi mới theo hướng có trọng tâm, trọng điểm. Các đề tài trọng điểm của ngành tập trung vào giải quyết những nhiệm vụ cấp bách ở cấp độ toàn ngành. Khắc phục một bước tình trạng phân tán, dàn trải đối với các đề tài cấp Tổng cục và cơ sở. Hệ thống đề tài đã được bố trí cân đối hơn giữa nghiên cứu phương pháp luận với nghiên cứu triển khai và cải tiến nghiệp vụ chuyên môn. Việc hình thành các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đã bám sát hơn những vấn đề

bức xúc về nghiệp vụ của ngành. Nhiều đề tài về phương pháp luận thống kê được triển khai nhằm phục vụ ngày càng tốt hơn yêu cầu về đổi mới và cải tiến nghiệp vụ công tác thống kê.

+ Cơ chế tuyển chọn tổ chức cá nhân thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu theo nguyên tắc dân chủ, công khai, đề cao vai trò cá nhân chủ nhiệm đề tài được thực hiện thông qua hội nghị của Hội đồng xét duyệt đề cương và lựa chọn chủ nhiệm đề tài.

+ Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học đã bám sát Đề án đổi mới hoạt động khoa học thống kê được Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký ngày 30 tháng 6 năm 2004 trong Quyết định số 416/2004/QĐ-TCTK.

Nhược điểm:

+ Chưa xây dựng được các định hướng nghiên cứu dài hạn và phổ biến đến các cán bộ nghiên cứu để họ có thời gian đầu tư, suy nghĩ nên một số đề tài là nhiệm vụ bức xúc của ngành được lãnh đạo ngành giao nhưng do chưa được chuẩn bị trước nên kết quả nghiên cứu chưa cao.

+ Để chắc chắn khâu tổ chức thực hiện, các đề tài thường được giao cho lãnh đạo các đơn vị làm chủ nhiệm. Cán bộ lãnh đạo các đơn vị nghiệp vụ bận rất nhiều việc, nên thời gian dành cho nghiên cứu không được nhiều, trong khi chủ nhiệm đề tài phải là người có ý tưởng chính, đủ thời gian để nghiên cứu giải quyết vấn đề được giao.

+ Do nhiều nguyên nhân khách quan chưa tạo được môi trường cạnh tranh giữa các cán bộ nghiên cứu trong việc giao nhiệm vụ nghiên cứu.

2. Quản lý từng đề tài bằng cán bộ theo dõi đề tài, tạm ứng kinh phí thực hiện

Chủ nhiệm đề tài là những nhà nghiên cứu nên việc am hiểu công việc quản lý, cũng như nắm bắt các văn bản liên quan đến quản lý có khi chưa được đầy đủ. Việc bên cạnh chủ nhiệm đề tài có một cán bộ am hiểu công tác này làm tư vấn cũng là một việc làm hữu ích. Mặt khác quản lý hoạt động nghiên cứu bằng bộ máy hành chính nên cần theo dõi và quản lý chặt chẽ tiến độ thực hiện của đề tài, tránh những sai phạm không đáng có. Trước những yêu cầu đó Phòng Quản lý Khoa học và Đào tạo đã cử cán bộ theo dõi và tư vấn cho các chủ nhiệm đề tài về công tác quản lý.

Có kinh phí tạm ứng chủ nhiệm đề tài sẽ có điều kiện tổ chức các công việc của mình một cách có hiệu quả hơn. Hoạt động nghiên cứu cần một thời gian nghiên cứu đủ dài mới có kết quả nên cần giao sớm nhiệm vụ cho cán bộ nghiên cứu. Giao nhiệm vụ và tạm ứng kinh phí sớm là một cách làm hiệu

quả để gắn chặt trách nhiệm của cán bộ nghiên cứu. Việc tạm ứng có tác dụng làm cho cán bộ nghiên cứu quan tâm nhiều hơn đến nhiệm vụ được giao và nhận thức được trách nhiệm phải hoàn thành.

Hai biện pháp này đã được sử dụng trong thời gian qua đã bộc lộ các ưu, khuyết điểm chính sau:

Ưu điểm:

+ Các cán bộ quản lý theo dõi đề tài đã nhiệt tình hỗ trợ ban chủ nhiệm đề tài trong khâu tổ chức thực hiện. Tư vấn và hướng dẫn ban chủ nhiệm đề tài thanh quyết toán hoạt động của đề tài đúng chế độ quy định của Bộ Tài chính, Viện Khoa học Thống kê và Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Cán bộ quản lý đã nghiên cứu đầy đủ các văn bản của nhà nước để phổ biến kịp thời đến các ban chủ nhiệm đề tài.

+ Với sự hỗ trợ nhắc nhở của cán bộ quản lý theo dõi đề tài, các đề tài đã triển khai đúng tiến độ được duyệt.

+ Tất cả các đề tài đều được tạm ứng kinh phí theo đúng yêu cầu thực hiện đề tài. Việc tạm ứng làm hai đợt vào quý 1 và quý 3 là phù hợp với nhu cầu kinh phí cho hoạt động và mức tạm ứng là phù hợp với nội dung công việc.

Nhược điểm:

+ Cán bộ quản lý cần nắm đầy đủ hơn về tiến độ triển khai, hoàn thành và tình hình sử dụng kinh phí của ban chủ nhiệm đề tài. Lên kế hoạch nhắc nhở thường xuyên hơn.

+ Cán bộ theo dõi đề tài phải đọc toàn bộ kết quả nghiên cứu của đề tài kể cả các chuyên đề để nắm chắc được chất lượng sản phẩm của đề tài.

+ Chưa áp dụng triệt để biện pháp tạm ứng cho các kế hoạch nghiên cứu đã được duyệt: một số hợp đồng nghiên cứu của các Cục Thống kê ở xa, do phức tạp trong khâu quyết toán nên không tạm ứng làm cho một số hợp đồng đã ký nhưng không tổ chức thực hiện được.

3. Tăng dần quyền tự chủ của chủ nhiệm đề tài, khoán tổng kinh phí thực hiện và khen thưởng các đề tài đạt chất lượng cao...

Đề cao vai trò cá nhân là đặc trưng của quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học. Quyền chủ động của chủ nhiệm đề tài có một vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nghiên cứu. Trong những năm gần đây chủ nhiệm đề tài đã được giao quyền chủ động ngày càng đầy đủ. Theo văn bản 45/2001/TTLT/ BTC-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2001 đã giao cho chủ

nhiệm đề tài có quyền lựa chọn đội ngũ cán bộ nghiên cứu, ký và nghiệm thu các hợp đồng nghiên cứu chuyên đề có mức kinh phí dưới 3 triệu đồng. Gần đây thông tư liên tịch 93/ 2006/TTLT/BTC - BKHCN ngày 4/10/2006 đã trao cho chủ nhiệm đề tài quyền vận dụng các định mức dựa trên chất lượng sản phẩm nghiên cứu, khoán tổng kinh phí đề tài, v.v.... biện pháp này trong thời gian qua đã bộc lộ những ưu, khuyết điểm chính sau:

Ưu điểm:

+ Vai trò của chủ nhiệm đề tài được đề cao. Trách nhiệm cá nhân của chủ nhiệm đề tài cũng như của cán bộ nghiên cứu được nâng lên một bước. Chủ nhiệm đề tài được quyền chủ động lựa chọn các cá nhân thích hợp để ký kết hợp đồng nghiên cứu chuyên đề và đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các hợp đồng này. Thu nhập của cán bộ nghiên cứu theo đó được cải thiện.

+ Với các quyền được giao, chủ nhiệm đề tài đã chủ động hơn trong việc triển khai đề tài. Việc giao nhiệm vụ và triển khai kinh phí của đề tài đã thuận lợi hơn. Đề tài sớm được khởi động ngay sau khi kế hoạch nghiên cứu khoa học được duyệt và nhiều đề tài đã hoàn thành đúng tiến độ.

Nhược điểm:

- Các định mức quá thấp nên chưa khuyến khích đội ngũ cán bộ nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm. Văn bản 93/ 2006/TTLT/BTC - BKHCN ngày 4/10/2006 đã giao thêm quyền vận dụng định mức cho chủ nhiệm đề tài, nhưng chưa chủ nhiệm đề tài nào vận dụng vì còn thiếu các biện pháp liên quan như đánh giá cuối cùng kết quả nghiên cứu của đề tài, khen thưởng đề tài ...Chủ nhiệm đề tài chỉ có thể nghiêm khắc với các kết quả nghiên cứu chuyên đề nếu đề tài được đánh giá nghiêm túc và được khen thưởng thỏa đáng.

- Vẫn còn chủ nhiệm đề tài coi kinh phí nghiên cứu khoa học như là phúc lợi cho đội ngũ cán bộ khoa học, nên rải đều nhiệm vụ nghiên cứu và kinh phí cho các thành viên không căn cứ vào năng lực nghiên cứu của họ.

- Cơ chế giao quyền chủ động cho chủ nhiệm đề tài mới có hiệu quả ở mức tổ chức thực hiện đề tài thuận lợi hơn chứ chưa tác động được đến chất lượng kết quả nghiên cứu. Cơ chế hiện nay dẫn đến tình trạng: đa số chủ nhiệm đề tài xử “nhẹ” các chuyên đề đạt chất lượng thấp, dẫn đến chất lượng chung của đề tài cũng thấp.

- Việc tăng quyền chủ động của chủ nhiệm đề tài phải đồng bộ với nâng cao ý thức trách nhiệm của các thành viên hội đồng đánh giá nghiệm thu, tiêu chuẩn và cơ chế bình bầu khen thưởng của đơn vị quản lý đề tài. Hiện nay sự

đồng bộ này chưa được thiết lập nên hiệu quả của việc trao quyền chủ động cho chủ nhiệm đề tài chưa cao.

- Bộ phận quản lý chưa hướng dẫn cho chủ nhiệm đề tài về những quyền của mình và cách thức sử dụng những quyền đó để nâng cao chất lượng nghiên cứu đề tài.

4. Phương pháp nghiệm thu kết quả nghiên cứu bằng các hội đồng nghiệm thu

Kết quả nghiên cứu của các đề tài được nghiệm thu, đánh giá bằng hội đồng nghiệm thu. Quy trình này được thực hiện từ năm 1995 đến nay đã đạt được những kết quả sau:

Ưu điểm:

- Các đề tài nghiên cứu khoa học sau khi hoàn thành, gửi đầy đủ hồ sơ kết quả nghiên cứu cho Phòng Quản lý Khoa học và Đào tạo, Viện Khoa học Thống kê đã ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu theo đúng quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Thành phần hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu bao gồm các nhà khoa học thống kê am hiểu sâu sắc lĩnh vực được đưa ra đánh giá, nghiệm thu. Đối với đề tài cấp cơ sở ngoài các cán bộ nghiên cứu của Viện đã mời vào hội đồng những chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong và ngoài ngành Thống kê. Đối với các đề tài cấp Tổng cục đã mời thêm các chuyên gia của các cơ quan khác ngoài Tổng cục và giáo viên Khoa Thống kê - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân...

- Các thành viên hội đồng đã nghiêm túc đọc, tham gia ý kiến vào kết quả nghiên cứu của đề tài. Đại đa số các thành viên hội đồng đã có nhận xét kết quả nghiên cứu bằng văn bản. Nội dung nhận xét bám sát hướng dẫn viết nhận xét đánh giá đề tài, các nhận xét rõ ràng, khách quan, đánh giá đúng mức độ hoàn thành của đề tài và chất lượng nghiên cứu, nên có tác dụng nâng cao tinh thần trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài.

- Khẳng định được hội đồng gồm 7 thành viên là thích hợp để phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu của đề tài .

Một số tồn tại có thể liệt kê ra ở đây là:

- Nhiều nhận xét còn tập trung vào liệt kê những nội dung của báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, những mặt làm được của đề tài, mà ít chú ý phân nhận xét, đánh giá chung.

- Nhiều bản nhận xét còn né tránh vấn đề cốt lõi, nội dung chính cần đạt được mà đi vào những vấn đề ít quan trọng hơn như hình thức trình bày, các lỗi về ngữ pháp và chính tả...

- Có bản nhận xét khi viết thì khách quan, nhưng khi trình bày trong cuộc họp hội đồng thì bị giản lược, giảm nhẹ để khỏi mất lòng chủ nhiệm đề tài.

- Cơ cấu và các thành viên hội đồng đã chọn đúng người, đúng việc. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng còn có những hội đồng còn nể nang, xuê xoa trong việc đánh giá kết quả nghiên cứu nhất là đối với các đề tài do lãnh đạo làm chủ nhiệm.

III/ Nguyên nhân của những tồn tại

Nguyên nhân làm cho hoạt động nghiên cứu khoa học chưa phát triển mạnh và hiệu quả thấp là do chúng ta đang vận dụng cơ chế hành chính vào việc quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học. Chúng ta chưa phân biệt được phương thức quản lý hành chính của người công chức Nhà nước với quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, chưa đưa được vào cuộc sống những phương thức quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học năng động và phù hợp với đặc điểm của hoạt động này.

Bài học thứ nhất rút ra ở đây là: *cần đổi mới phương thức quản lý theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường và phù hợp với đặc điểm của hoạt động nghiên cứu khoa học. Nếu vẫn để quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học bị trói buộc trong cơ chế quản lý hành chính thì hiệu quả vẫn thấp.*

Quản lý hành chính là một cơ chế quản lý rất phù hợp cho quản lý hành chính Nhà nước, ở đó mọi hoạt động cần tuân thủ theo các văn bản của nhà nước và không có ngoại lệ. Áp dụng cơ chế hành chính vào quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học thì không sai, nhưng làm cho hoạt động nghiên cứu khoa học kém hiệu quả do không phù hợp với đặc điểm của hoạt động này. Hoạt động nghiên cứu khoa học là sáng tạo và năng động nên vận dụng cơ chế thị trường thì phù hợp hơn. Nhưng cũng không thể phó mặc việc quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học cho cơ chế thị trường vì sản phẩm nghiên cứu khoa học là đơn chiếc và quan hệ cung – cầu không phản ánh đúng giá trị của sản phẩm nghiên cứu khoa học. Do đó quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học có một hình thức đặc thù là: Để quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học có một bộ máy quản lý từ Bộ Khoa học và Công nghệ đến các phòng quản lý của các viện nghiên cứu (bộ máy quản lý hành chính), nhưng bộ máy hành chính này lại không hoạt động theo cơ chế hành chính, mà hoạt động theo phương thức phù hợp với cơ chế thị trường và đặc điểm của hoạt động

ngiên cứu khoa học. Khác với cơ chế kế hoạch tập trung lợi ích chung được đưa lên hàng đầu, lợi ích cá nhân phải tìm cách thích ứng vào đó, cơ chế thị trường đặt lợi ích cá nhân lên trước, nhưng lợi ích cá nhân chỉ có thể đạt được nếu cũng bảo đảm lợi ích chung. Lợi ích cá nhân của cán bộ nghiên cứu đạt được càng nhiều khi các kết quả nghiên cứu của họ càng phục vụ tốt cho xã hội. Để thực hành công tác quản lý phù hợp với cơ chế thị trường, nhận thức cũng như cách vận dụng của cán bộ quản lý hết sức quan trọng. Cùng với các văn bản của Nhà nước, trong chỉ đạo điều hành cụ thể, các cán bộ quản lý có tạo ra được những hiệu ứng giống cơ chế thị trường hay không, nếu không lại rơi vào cách quản lý hành chính theo lối mòn cũ.

Một số cơ sở pháp lý cho việc hình thành quan hệ quản lý mới phù hợp với cơ chế thị trường và tính chất hoạt động nghiên cứu khoa học đã được ban hành, Những văn bản 93/2006/TTLT/ ngày 4/10/2006 và 44/2007/TTLT/ ngày 7/5/2007 đã có những thay đổi cơ bản so với cách quản lý cũ. Cách quản lý mới không chỉ phù hợp với tính chất hoạt động nghiên cứu khoa học mà còn đề cao vai trò của cán bộ quản lý thông qua việc không quy định định mức ‘cứng’ mà quy định định mức tối đa. Với cách này cán bộ quản lý cơ sở có thể xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện phù hợp với trình độ nghiên cứu của đơn vị mình, với cơ chế thị trường và với đặc điểm của hoạt động nghiên cứu khoa học, trong đó có yêu cầu của cơ chế thị trường là mức thanh toán phải đủ linh hoạt để trả tương xứng với chất lượng sản phẩm nghiên cứu.

Giữa đổi mới theo cơ chế thị trường và đổi mới phù hợp với đặc điểm của hoạt động nghiên cứu khoa học cũng có một số điểm tương đồng như: cùng nhấn mạnh tính năng động, tự do di chuyển, gắn kết khoa học với sản xuất,... nên có thể gắn kết với nhau.

Như vậy, bài học thứ hai rút ra là: *đổi mới quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học phải tiến hành một cách có hệ thống, đồng bộ, trên cơ sở đổi mới sâu sắc về tư duy ở mọi cấp, nhất là trong đội ngũ cán bộ quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học.*

Đội ngũ cán bộ quản lý am hiểu cơ chế thị trường có vai trò hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học. Các cán bộ quản lý cần học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn, đóng góp kinh nghiệm của mình để nâng cao vai trò của công tác quản lý theo kịp quá trình đổi mới đang diễn ra, chứ không dừng lại chỉ là những cán bộ hành chính, sự vụ.

PHẦN III

ĐẶC ĐIỂM CỦA HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU

I. Đặc điểm hoạt động nghiên cứu khoa học

Hoạt động nghiên cứu có 2 đặc điểm khác hoạt động sản xuất. Hoạt động sản xuất đã có quy trình và cách làm cụ thể cứ thế tiến hành, trong khi hoạt động nghiên cứu chưa có sẵn cách làm. Cán bộ nghiên cứu phải thường xuyên túc trực vấn đề cần giải quyết trong đầu, suy nghĩ trong nhiều ngày: hôm nay chưa nghĩ ra thì ngày mai tiếp tục suy nghĩ, cũng không thể lập kế hoạch suy nghĩ giải quyết vấn đề đó được mà chỉ có cách thường xuyên suy nghĩ về nó, đến một lúc nào đó sẽ tìm ra cách giải quyết mà thôi. Nghĩa là nghiên cứu khoa học cần rất nhiều thời gian suy ngẫm thì mới mong đạt kết quả. Đặc điểm thứ 2 của nghiên cứu khoa học là phải có một cách lập luận mới. Sở dĩ vấn đề cho đến nay chưa được giải quyết là mọi người cũng đã suy nghĩ hết cách bằng cách tư duy cũ. Muốn có đột phá phải rà soát lại tất cả các cách tư duy có thể có, rồi tìm trong đó cách tư duy hợp lý hơn và dùng cách tư duy đó để giải quyết vấn đề. Nghĩa là nghiên cứu khoa học phải đổi mới tư duy, phải có cái gì đó mới mẻ mới mong đạt kết quả.

Thông thường, khi phải đối diện với một vấn đề, chúng ta xét lại những gì chúng ta đã được dạy và những cách làm có hiệu quả trong quá khứ, lựa chọn cái gì phù hợp nhất với hoàn cảnh hiện tại và dùng nó để giải quyết vấn đề.

Trong nghiên cứu khoa học, ngược lại ta phải suy nghĩ theo những hướng khác nhau. Phải tự hỏi “có bao nhiêu cách khác nhau để ta nhìn nhận vấn đề” và “có bao nhiêu cách để ta giải quyết nó”.

Để có thể thành công cần sẵn sàng thử nghiệm tất cả những khả năng có thể xảy ra chứ không phải dùng cách giải quyết thông dụng nhất. Suy nghĩ theo cách thông thường, chắc chắn nhiều người khác đã làm nên khó có thể tìm ra giải pháp có sức thuyết phục. Đó là lý do vì sao chúng ta thường thất bại khi phải đối mặt với những vấn đề mới mà ban đầu chúng có vẻ gần với những gì chúng ta đã giải quyết được, nhưng trên thực tế lại khác xa. Nắm bắt một vấn đề bằng những kinh nghiệm trong quá khứ sẽ đương nhiên đưa bạn đi theo lối mòn. Nếu bạn suy nghĩ theo lối mòn, bạn chỉ nhận được những gì bạn đã có.

Do đó cách thức suy nghĩ trong quá trình nghiên cứu khoa học có những đặc điểm sau:

1. Luôn nhìn nhận vấn đề từ mọi góc cạnh: Để giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, bạn phải từ bỏ ngay phương pháp trước tiên xuất hiện trong đầu bạn – cái thường bắt nguồn từ kinh nghiệm trong quá khứ – và nhìn nhận lại vấn đề.

2. Làm cho những suy nghĩ của mình trở nên hữu hình: cần phát triển những khả năng về thị giác và không gian cho phép ta trình bày thông tin theo cách mới. Từ những tưởng tượng đó sẽ nảy sinh ra ý tưởng giải quyết vấn đề và làm cho các ý tưởng đó ngày càng trở nên rõ ràng hơn.

3. Luôn suy nghĩ về vấn đề cần giải quyết: Tranh thủ mọi lúc, mọi nơi suy nghĩ, sưu tầm thông tin về kinh nghiệm và cách quan niệm của những người khác về vấn đề đang quan tâm. Khi được hỏi cách làm cho ông thành công, Albert Einstein đã nói “Suy nghĩ, suy nghĩ đi, suy nghĩ mãi”

4. Luôn tìm ra những sự kết hợp mới lạ, phối hợp lại những ý tưởng, hình ảnh và ý nghĩ nảy sinh ra trong quá trình suy nghĩ.

5. Phát hiện, tìm ra những mối quan hệ, sự giống nhau, khác nhau giữa các hiện tượng nghiên cứu để tìm hướng giải quyết.

6. Thường xuyên thu thập thông tin về các quan niệm và cách làm có hiệu quả, trau dồi kiến thức để chuẩn bị cho mình những điều kiện cần thiết đón bắt cơ hội.

Để diễn đạt đặc trưng của quá trình nghiên cứu Albert Einstein đã có một câu nói sâu sắc: “Sự sáng tạo không phải là sản phẩm của suy luận lô-gíc, dù rằng sản phẩm cuối cùng gắn liền với một cấu trúc lô-gíc”

II. Các biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học

Công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sử dụng các biện pháp sau:

1. Phương pháp kế hoạch để xác định và giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học

Phương pháp kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học giống nhiều với cách làm kế hoạch trong thời kỳ kế hoạch hóa tập trung, nhưng cũng có điểm khác. Kế hoạch hóa sản xuất là để hoàn thành một công việc đã có quy trình thực hiện, còn hoạt động nghiên cứu là đi tìm cái mới, giải pháp mới, nên ý tưởng giải quyết vấn đề của chủ nhiệm đề tài có vai trò hết sức quan trọng. Kinh nghiệm quản lý hoạt động nghiên cứu trong những năm qua cho thấy: những đề tài được đăng ký từ cơ sở (người đăng ký đã có ý tưởng) thường có kết quả tốt hơn các đề tài mới được lãnh đạo Tổng cục giao. Mặc dù các đề tài này đều có thời gian nghiên cứu 2 năm nhưng kết quả vẫn chưa được như

mong muốn. Như vậy công tác kế hoạch cần phối hợp được nhiệm vụ cần nghiên cứu với người đã có ý tưởng giải quyết vấn đề đặt ra.

Những nhiệm vụ nghiên cứu cần thực hiện được xác định thông qua chiến lược phát triển dài hạn ngành Thống kê, chương trình nghiên cứu hàng năm của Ngành, định hướng và yêu cầu nghiên cứu của Viện Khoa học thống kê và các đơn vị trong Tổng cục, Viện Khoa học thống kê đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu, dự kiến kinh phí cho các nội dung công việc, kiến nghị đơn vị chủ trì nghiên cứu các đề tài khoa học, để trình Lãnh đạo Tổng cục và Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

Trong những năm qua Viện Khoa học Thống kê đã xây dựng kế hoạch nghiên cứu hàng năm cho ngành Thống kê vào tháng 9 trước năm kế hoạch. Việc xác định các kế hoạch nghiên cứu khoa học và chuyển giao ứng dụng đã dựa trên định hướng phát triển khoa học công nghệ của nhà nước và chương trình công tác của ngành thống kê hàng năm. Việc xây dựng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được đổi mới theo hướng có trọng tâm, trọng điểm. Các đề tài trọng điểm của ngành tập trung vào giải quyết những nhiệm vụ cấp bách ở cấp độ toàn ngành. Các kế hoạch hoàn thiện nghiệp vụ của ngành đã được phổ biến đến các cán bộ nghiên cứu để định hướng đề tài nghiên cứu cho các đơn vị trong Tổng cục.

Việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu theo nguyên tắc: giao nhiệm vụ nghiên cứu cho cá nhân có ý tưởng hay nhất trong việc giải quyết nhiệm vụ được giao. Nguyên tắc này được thực hiện thông qua hội nghị của Hội đồng xét duyệt đề cương và lựa chọn chủ nhiệm đề tài. Hội nghị của Hội đồng xét duyệt đề cương và lựa chọn chủ nhiệm đề tài sẽ xem xét lựa chọn ra đề cương nghiên cứu có khả năng đạt kết quả tốt nhất trong trường hợp có nhiều cán bộ nghiên cứu đăng ký thực hiện đề tài. Trong trường hợp chủ nhiệm đề tài đã được đơn vị chủ trì đề tài chỉ định, nhiệm vụ của Hội đồng là đóng góp ý kiến hoàn thiện đề cương chi tiết và hướng phân bổ kinh phí để đề tài có thể hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu.

Hoạt động của Hội đồng xét duyệt đề cương và lựa chọn chủ nhiệm đề tài đã đóng góp được nhiều ý kiến thiết thực, góp phần cụ thể hóa nội dung nghiên cứu cho từng đề tài, qua đó nâng cao chất lượng kết quả nghiên cứu nói chung.

1.1 Nội dung xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học

1.1.1 Các loại kế hoạch nghiên cứu khoa học

a. Theo thời gian nghiên cứu có các loại kế hoạch

+ Kế hoạch nghiên cứu khoa học giai đoạn 5 năm:

Kế hoạch nghiên cứu khoa học giai đoạn 5 năm được xây dựng dựa trên cơ sở định hướng, chiến lược phát triển của ngành Thống kê và đáp ứng yêu cầu quản lý của nhà nước về công tác thống kê. Kế hoạch nghiên cứu khoa học giai đoạn 5 năm được hình thành theo các chủ đề nghiên cứu và được cụ thể hoá thành các đề tài khoa học, nhằm giải quyết những vấn đề lớn của ngành trên các lĩnh vực:

- Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê và cải tiến phương pháp thu thập số liệu;

- Hoàn thiện phương pháp điều tra thống kê, quy hoạch và sắp xếp lại các cuộc điều tra thống kê;

- Hoàn thiện phương pháp luận của hệ thống chỉ tiêu thống kê; chuẩn hoá các thuật ngữ thống kê, cải tiến và bổ sung các bảng danh mục cho phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế;

- Nghiên cứu ứng dụng các chỉ tiêu thống kê tổng hợp, các chỉ tiêu mới, các chỉ tiêu năng suất, phản ánh chất lượng tăng trưởng và bền vững của nền kinh tế;

- Nghiên cứu ứng dụng toán học và công nghệ thông tin trong công tác thống kê;

- Phân tích và dự báo thống kê;

+ Kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm:

Kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm là kế hoạch từng bước thực hiện các nhiệm vụ được đặt ra trong kế hoạch nghiên cứu khoa học giai đoạn 5 năm và được cụ thể hoá thành đề tài cụ thể, căn cứ vào kết quả nghiên cứu của những năm trước, điều chỉnh nội dung để xây dựng kế hoạch phù hợp cho năm kế hoạch.

b. Theo kinh phí thực hiện có các loại kế hoạch nghiên cứu khoa học

+ Kế hoạch nghiên cứu khoa học cấp Bộ (đề tài cấp Bộ)

Đề tài cấp Bộ: Là các đề tài có phạm vi nghiên cứu rộng, tính chất và nội dung nghiên cứu phức tạp, nhằm giải quyết những vấn đề chung liên quan đến nhiều nghiệp vụ thống kê nhằm nâng cao chất lượng công tác thống kê; phục vụ phát triển kinh tế xã hội, bồi dưỡng và nâng cao trình độ cho cán bộ đồng thời xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong ngành Thống kê.

+ Kế hoạch nghiên cứu khoa học cấp cơ sở (đề tài cấp cơ sở)

Đề tài cấp cơ sở: có phạm vi nghiên cứu hẹp hơn, nhằm giải quyết những vấn đề vướng mắc về chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thường xuyên của các đơn vị, đồng thời làm cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo trong khoa học và công nghệ của ngành Thống kê.

+ Kế hoạch nghiên cứu khoa học phối hợp giữa nghiên cứu lý thuyết và triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong thực tế (Nhiệm vụ phối hợp nghiên cứu khoa học với địa phương và một số đơn vị khác).

Nhiệm vụ triển khai thực nghiệm kết quả nghiên cứu khoa học: Là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp tính toán các chỉ tiêu, phương án điều tra thống kê, chế độ báo cáo, ứng dụng công nghệ thông tin, mô hình quản lý kinh tế - xã hội, v.v... nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng nghiệp vụ công tác Thống kê.

Đề tài khoa học cấp Bộ (tại Tổng Cục Thống kê) thường kéo dài từ 1 đến 3 năm, đề tài khoa học cấp cơ sở (thực hiện 1 năm)

1.1.2. Nội dung công tác kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học được chia làm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn hình thành nhiệm vụ nghiên cứu: Trong giai đoạn này lãnh đạo Viện Khoa học Thống kê cùng lãnh đạo Tổng cục xây dựng định hướng nghiên cứu khoa học cho năm kế hoạch, phổ biến định hướng này đến các đơn vị trong Tổng cục để các đơn vị đăng ký nhiệm vụ nghiên cứu.

- Giai đoạn xây dựng kế hoạch nghiên cứu: căn cứ vào đăng ký nhiệm vụ nghiên cứu của các đơn vị trong Tổng cục, Viện Khoa học Thống kê xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học trình Lãnh đạo Tổng cục phê duyệt.

- Giai đoạn giao kế hoạch nghiên cứu và tuyển chọn chủ nhiệm đề tài: Các đề tài được đưa vào kế hoạch lập thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học và đề cương chi tiết. Viện Khoa học Thống kê tiến hành lập và tổ chức họp các Hội đồng xét duyệt thông qua đề cương và tuyển chọn chủ nhiệm đề tài.

Kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm là kế hoạch nghiên cứu đề tài cụ thể, còn kế hoạch nghiên cứu khoa học giai đoạn 5 năm là các định hướng nghiên cứu.

1.2. Quy trình xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm

Xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm ở Tổng cục Thống kê phải đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu đã được phê duyệt trong kế hoạch nghiên cứu giai đoạn 5 năm để đáp ứng yêu cầu công tác thống kê của Ngành, đồng thời nâng cao hiệu quả của công tác nghiên cứu.

Bước 1: Xây dựng định hướng nghiên cứu khoa học cho các đề tài trong năm kế hoạch

Bao gồm các công việc sau:

1. Dự thảo định hướng nghiên cứu khoa học của ngành Thống kê.
2. Lấy ý kiến đóng góp của Lãnh đạo Viện Khoa học Thống kê.
3. Hoàn thiện định hướng theo các ý kiến đóng góp.
4. Phổ biến định hướng đến các đơn vị trong Tổng cục.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học

Bao gồm các công việc sau:

1. Tổ chức hội nghị triển khai công tác xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học.
2. Thu thập và tổng hợp kết quả đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học của các đơn vị.
3. Làm việc với các đơn vị có đăng ký đề tài cần giải trình thêm.
4. Dự thảo kế hoạch kinh phí nghiên cứu khoa học của toàn ngành.
5. Thành lập và tổ chức hội nghị Hội đồng lựa chọn nhiệm vụ nghiên cứu cho các đề tài cấp Tổng cục và cấp cơ sở.
6. Hoàn thiện kế hoạch nghiên cứu khoa học trên cơ sở ý kiến của hội đồng.
7. Báo cáo Lãnh đạo Tổng cục về kế hoạch nghiên cứu khoa học của ngành.
8. Hoàn thiện lần cuối kế hoạch nghiên cứu khoa học của ngành trình Lãnh đạo Tổng cục ký.

Bước 3: Giao kế hoạch nghiên cứu khoa học

Bao gồm các công việc sau:

1. Thông báo kế hoạch nghiên cứu khoa học cho các đơn vị trong Tổng cục.
2. Thành lập và họp các hội đồng thông qua đề cương và lựa chọn chủ nhiệm đề tài.
3. Ra quyết định tên đề tài, kinh phí và tên chủ nhiệm đề tài của các đề tài cấp Tổng cục và cơ sở.

Nội dung cụ thể quy trình giao kế hoạch nghiên cứu khoa học như sau:

- 1.3. Một số giải pháp để hoàn thiện phương pháp xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học ngành Thống kê.

Công tác xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học thống kê cần được đổi mới và hoàn thiện. Hoạt động nghiên cứu khoa học thống kê phải bám sát yêu cầu thực tế và nhiệm vụ chính trị của ngành đã được Nhà nước phê duyệt cho từng giai đoạn và sự chỉ đạo của lãnh đạo Tổng cục Thống kê.

+ Nội dung xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm, cần căn cứ vào một số định hướng sau:

- Định hướng phát triển công tác thống kê đến năm 2010 (theo Quyết định số 141/2002/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt);

- Kế hoạch nghiên cứu khoa học 5 năm do lãnh đạo Tổng cục Thống kê phê duyệt làm căn cứ để xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm;

+ Xây dựng lộ trình kế hoạch nghiên cứu dứt điểm đối với từng nghiệp vụ chuyên ngành Thống kê, những vấn đề còn vướng mắc trong thực hiện cần nghiên cứu đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, tập trung và kết quả nghiên cứu có tính khả thi trong thực tiễn.

+ Hướng sự quan tâm của đội ngũ cán bộ nghiên cứu vào những bức xúc của ngành về nghiệp vụ. Khơi dậy lòng say mê, nhiệt tình nghiên cứu hoàn thiện nghiệp vụ chuyên môn của ngành.

+ Nâng cao trình độ xây dựng kế hoạch của cán bộ quản lý khoa học, đổi mới tư duy phù hợp với cơ chế thị trường: hỗ trợ những nghiên cứu của cán bộ, giao những đề tài quan trọng hơn với kinh phí lớn hơn cho các chủ nhiệm đề tài đã đạt kết quả xuất sắc hoặc giỏi.

+ Đa dạng hoá các nguồn vốn cho nghiên cứu khoa học, tham gia và đấu thầu các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học từ quỹ đầu tư và phát triển khoa học công nghệ. Khuyến khích các nhà nghiên cứu vay vốn từ quỹ đầu tư và phát triển khoa học công nghệ để nghiên cứu khoa học.

+ Trong kế hoạch nghiên cứu, giao cho Viện Khoa học Thống kê đảm nhiệm các đề tài trọng điểm của ngành, chủ trì và phối hợp với các đơn vị khác trong Tổng cục để hoàn thành nội dung nghiên cứu.

2. Quản lý đề tài bằng cán bộ theo dõi đề tài, tạm ứng kinh phí thực hiện

Theo cơ chế hành chính cán bộ quản lý theo dõi đề tài là người kiểm tra, giám sát và nghiệm thu các hoạt động của đề tài. Căn cứ vào các văn bản của Nhà nước, đánh giá nghiệm thu các sản phẩm trung gian của đề tài. Với chức năng như vậy trong bộ máy hành chính là đầy đủ và đồng bộ. Nhưng trong thực tế có nhiệm vụ vượt quá năng lực cán bộ quản lý, như đánh giá các kết quả nghiên cứu của đề tài ...Người đánh giá chính xác nhất các kết quả

trung gian của đề tài là chủ nhiệm đề tài và kết quả cuối cùng của đề tài là hội đồng đánh giá nghiệm thu. Trong cơ chế hành chính việc cán bộ quản lý phải làm việc này làm cho việc đánh giá trở nên hình thức và cứng nhắc theo các văn bản hành chính. Trong phương thức quản lý phù hợp với cơ chế thị trường việc đánh giá và đưa ra mức thanh toán phù hợp với chất lượng sản phẩm nghiên cứu được chuyển giao cho chủ nhiệm đề tài đối với sản phẩm trung gian và cho hội đồng nghiệm thu đối với sản phẩm cuối cùng của đề tài. Cách làm này giải phóng cán bộ quản lý đề tài khỏi một công việc vượt quá khả năng để có thể tập trung vào hoàn thành nhiệm vụ của mình. Chủ nhiệm đề tài là những nhà nghiên cứu nên việc am hiểu công việc quản lý, cũng như nắm bắt các văn bản liên quan đến quản lý có khi chưa được đầy đủ. Việc bên cạnh chủ nhiệm đề tài có một cán bộ am hiểu công tác này làm tư vấn là cần thiết. Trước yêu cầu đó Phòng Quản lý Khoa học và Đào tạo đã cử cán bộ tư vấn cho các chủ nhiệm đề tài về lĩnh vực này. Ngoài nhiệm vụ tư vấn cho chủ nhiệm đề tài cán bộ theo dõi đề tài còn làm chức năng quản lý nhà nước về hoạt động nghiên cứu. Theo đó, cán bộ phòng quản lý được phép sử dụng công cụ tài chính trong phạm vi cho phép để hướng công việc nghiên cứu đem lại kết quả tốt và ngăn chặn những chi tiêu không hợp lý và không đúng chế độ. Cán bộ theo dõi đề tài còn có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ hành chính và kết quả nghiên cứu của đề tài.

Hoạt động nghiên cứu cần một thời gian nghiên cứu đủ dài mới có kết quả nên cần giao sớm nhiệm vụ cho cán bộ nghiên cứu. Giao nhiệm vụ và tạm ứng kinh phí sớm là một cách làm hiệu quả để gắn chặt trách nhiệm của cán bộ nghiên cứu. Việc tạm ứng có tác dụng làm cho cán bộ nghiên cứu để tâm nhiều hơn đến nhiệm vụ được giao và nhận thức được trách nhiệm phải hoàn thành. Có kinh phí chủ nhiệm đề tài sẽ tổ chức các công việc của mình một cách chủ động hơn. Hai biện pháp này đã được áp dụng trong thời gian qua và thể hiện vai trò tích cực giúp ban chủ nhiệm đề tài hoàn thành nhiệm vụ.

2.1. Biện pháp quản lý đề tài bằng cán bộ theo dõi

2.1.1. Chức năng của cán bộ quản lý theo dõi đề tài

Cán bộ quản lý làm nhiệm vụ theo dõi đề tài có 2 chức năng chủ yếu:

+ Làm tư vấn cho chủ nhiệm đề tài về công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, giới thiệu các văn bản chế độ dự toán và chỉ tiêu cho hoạt động nghiên cứu khoa học, hướng dẫn ban chủ nhiệm đề tài làm các thủ tục ký kết hợp đồng nghiên cứu chuyên đề, tạm ứng, thanh toán cho các kết quả nghiên cứu đã hoàn thành.

+ Quản lý nhà nước về hoạt động nghiên cứu của đề tài: Nắm tiến độ nghiên cứu của đề tài, cho phép Ban chủ nhiệm đề tài có những thay đổi trong nội dung nghiên cứu và phân bổ kinh phí thuộc thẩm quyền của cán bộ quản lý. Những thay đổi lớn về hướng nghiên cứu và kinh phí Ban chủ nhiệm đề tài phải làm văn bản báo cáo lãnh đạo Viện. Quản lý và lưu giữ các tài liệu hành chính và kết quả nghiên cứu của đề tài. Chịu trách nhiệm hướng dẫn đề tài thực hiện theo đề cương nghiên cứu đã được duyệt, khuyến khích các hoạt động nghiên cứu đạt kết quả tốt.

2.1.2. Nhiệm vụ của cán bộ quản lý theo dõi đề tài

+ Hướng dẫn chủ nhiệm đề tài xây dựng phiếu thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học và đề cương chi tiết của đề tài theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT/BTC- BKHCN ngày 7 tháng 5 năm 2007 về “Hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước”.

+ Phổ biến các văn bản hướng dẫn thanh toán cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, các quyền hạn và trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài, các mẫu chứng từ thanh quyết toán của đề tài.

+ Tham gia các hội nghị, hội thảo của đề tài. Thường xuyên làm việc với ban chủ nhiệm đề tài để nắm vững tiến độ thực hiện của đề tài.

+ Chịu trách nhiệm về các hoạt động của đề tài theo đề cương nghiên cứu đã được duyệt và chỉ đạo của lãnh đạo Viện. Ký xác nhận các hoạt động của đề tài.

+ Dự thảo các quyết định quản lý liên quan đến đề tài như: quyết định thành lập hội đồng xét duyệt đề cương và chọn chủ nhiệm đề tài, quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu kết quả nghiên cứu của đề tài.

+ Tham gia các hội nghị nghiệm thu hợp đồng nghiên cứu chuyên đề của đề tài. Đọc và đóng góp ý kiến cho báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài trước khi đưa ra nghiệm thu.

+ Tổ chức các buổi họp của các hội đồng xét duyệt đề cương và nghiệm thu kết quả nghiên cứu của đề tài. Hướng dẫn ban chủ nhiệm đề tài thực hiện các quy định về nội dung và hình thức của các báo cáo kết quả nghiên cứu của đề tài.

2.1.3. Quyền hạn của cán bộ quản lý theo dõi đề tài

+ Tham gia các hoạt động quản lý đề tài như tham dự hội thảo khoa học, tham gia nghiệm thu kết quả nghiên cứu chuyên đề, nghiên cứu các văn bản hành chính và tài liệu của đề tài ...Được quyền từ chối ký xác nhận của quản

lý đối với những hoạt động không nhằm hoàn thành mục tiêu nghiên cứu của đề tài.

+ Cho phép ban chủ nhiệm đề tài có những thay đổi nhỏ trong nội dung nghiên cứu và cân đối kinh phí giữa các nội dung nghiên cứu. Những thay đổi về hướng nghiên cứu và những thay đổi lớn về kinh phí so với đề cương được duyệt ban chủ nhiệm đề tài phải có văn bản báo cáo và xin phép lãnh đạo Viện.

+ Được quyền yêu cầu chủ nhiệm đề tài hoàn thiện thêm báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, nếu thấy báo cáo này chưa đạt yêu cầu và sau khi đã tham khảo ý kiến của 2 phản biện.

2.2. Biện pháp tạm ứng kinh phí thực hiện đề tài

Việc tạm ứng kinh phí cho ban chủ nhiệm đề tài nhằm tạo điều kiện thuận lợi và góp phần đề cao vai trò của ban chủ nhiệm đề tài trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban chủ nhiệm đề tài sẽ có đủ kinh phí để mua tài liệu, văn phòng phẩm, in ấn, đóng xén tài liệu và các vật tư khác cần thiết cho quá trình nghiên cứu. Kinh phí tạm ứng cũng tạo điều kiện để ban chủ nhiệm đề tài thanh toán cho các hội nghị, hội thảo khoa học và tạm ứng kinh phí cho những cán bộ nghiên cứu được phân công thực hiện các phần việc của đề tài.

Phương thức tạm ứng kinh phí đề tài:

Đề tài được tạm ứng trước kinh phí theo 2 nhóm hoạt động sau:

- + Tạm ứng kinh phí thực hiện hợp đồng nghiên cứu chuyên đề
- + Tạm ứng kinh phí cho các hoạt động chung của đề tài.

Mức kinh phí tạm ứng thực hiện hợp đồng nghiên cứu chuyên đề được quy định trong các hợp đồng nghiên cứu. Thông thường các hợp đồng nghiên cứu chuyên đề được tạm ứng 50% kinh phí thực hiện chuyên đề.

Tạm ứng kinh phí cho các hoạt động chung của đề tài thường được thực hiện 2 lần trong năm. Lần 1 diễn ra sau khi đề cương nghiên cứu của đề tài được duyệt. Lần 2 vào khoảng tháng 9 hoặc 10 sau khi đã quyết toán tạm ứng lần 1. Mức tạm ứng lần đầu căn cứ vào khả năng tài chính của Viện và phân bổ dự toán kinh phí của đề tài theo quý. Mức tạm ứng lần 2 là phần còn lại của kinh phí đề tài, Viện chỉ giữ lại kinh phí nghiệm thu và chi phí hoàn thiện sau nghiệm thu.

Các đề tài không quyết toán và tạm ứng theo đúng tiến độ trên, thì sau 1/12 sẽ không được tiếp tục tạm ứng mà sẽ thanh toán trực tiếp các kết quả nghiên cứu đã hoàn thành.

Để hoạt động nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cao hơn trong thời gian tới ban chủ nhiệm đề tài đề nghị tiếp tục tăng cường biện pháp quản lý thông qua cán bộ theo dõi đề tài và tạm ứng kinh phí thực hiện. Đây là quá trình giám sát nội dung nghiên cứu thông qua đồng tiền, nhằm thúc đẩy ban chủ nhiệm đề tài căn cứ vào nội dung nghiên cứu để bố trí kinh phí phù hợp. Để thực hiện biện pháp này đạt kết quả tốt hơn, Viện Khoa học Thống kê cần kiên quyết xử lý những đề tài có tiến độ nghiên cứu chậm hoặc nội dung nghiên cứu không đạt yêu cầu bằng cách tăng cường công tác thẩm định, đọc tham gia ý kiến vào các chuyên đề và báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt của đề tài trước khi nghiệm thu, thanh lý.

3. Trao quyền tự chủ cho chủ nhiệm đề tài, khoán tổng kinh phí thực hiện và khen thưởng các đề tài đạt chất lượng cao...

3.1. Sự cần thiết phải trao quyền chủ động cho chủ nhiệm đề tài

Các nhà quản lý và nghiên cứu đã bỏ khá nhiều công sức tìm hiểu bản chất của việc không có hiệu quả, ít gắn với cuộc sống và tiêu tốn kinh phí lớn của hoạt động nghiên cứu khoa học, đã chú ý đến khía cạnh tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài. Nhiều khoản chi của chủ nhiệm đề tài không phải vì nghiên cứu khoa học. Phân tích kỹ hơn đã khẳng định đây là hậu quả của cơ chế hành chính vận dụng vào quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học. Nghĩa là công việc chuyên môn khoa học không những bị quản lý bằng các văn bản hành chính cứng nhắc, mà các cơ quan quản lý khoa học còn ban hành nhiều văn bản ràng buộc đội ngũ cán bộ nghiên cứu về mặt thủ tục nhưng lại không tính đến chất lượng sản phẩm nghiên cứu. Việc hành chính hóa hoạt động quản lý đã gây ra hiệu quả thấp trong việc sử dụng nguồn tài nguyên chính của hoạt động nghiên cứu khoa học là tính năng động và tiềm năng sáng tạo của cán bộ khoa học. Nhiều phân tích đã vạch ra nguyên nhân của tình trạng kém hiệu quả của hoạt động nghiên cứu là xu hướng hành chính hóa, quan liêu hóa hoạt động quản lý khoa học. Những phân tích này dẫn chứng quá trình thông qua các quyết định liên quan đến khoa học bị phức tạp hóa, các quyết định nặng về mặt hình thức và ít được cân nhắc về mặt khoa học. Bộ phận cán bộ quản lý theo dõi đề tài kiểm soát định mức quá cứng nhắc buộc chủ nhiệm phải quyết toán một cách hình thức.

Đó là chưa kể những khó khăn của cán bộ nghiên cứu: Những ý tưởng và đề xuất của cán bộ khoa học bình thường có thể không “qua” được bởi tác

giả của nó chưa đủ địa vị về tổ chức và chưa đủ uy tín. Những đề xuất mới có thể gây nên những phản ứng bất lợi ở các cấp độ khác nhau trong các tổ chức nghiên cứu và thậm chí là sự chống đối bởi lẽ chúng thường đòi hỏi phải có những thay đổi lớn trong công việc hàng ngày và làm tổn hại đến uy tín của lãnh đạo. Người đưa ra ý tưởng mới phải mất nhiều thời gian và trí lực để dàn xếp những mối quan hệ với đồng nghiệp, với thủ trưởng trực tiếp và tìm sự ủng hộ trong giới lãnh đạo. Trước những thách thức này không giao cho chủ nhiệm đề tài những quyền chủ động nhất định họ không thể vượt qua nổi.

3.2. Ý nghĩa của việc trao quyền chủ động cho chủ nhiệm đề tài

Tự chủ, tự chịu trách nhiệm có tác dụng nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu. Tuy nhiên, đối tượng đang nói tới là chủ nhiệm các đề tài do ngân sách nhà nước đài thọ kinh phí, nơi mà các cơ quan quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học thể hiện vai trò vượt quá chức năng quản lý vĩ mô cần thiết của mình. Ở đây dường như tồn tại mâu thuẫn giữa một bên đề cao vai trò của công tác quản lý nhằm kiểm soát hoạt động nghiên cứu và một bên nhấn mạnh tính năng động, sáng tạo của chủ nhiệm đề tài. Giải quyết hài hòa mâu thuẫn này đặt ra yêu cầu giao quyền tự chủ, để nâng cao tinh thần tự chịu trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài.

Nếu để chủ nhiệm đề tài cảm thấy mình bị quá ràng buộc vào chế độ chi tiêu và không có một quyền hành thật sự nào cả hoặc phải làm công ích quá nhiều sẽ làm mất đi tính hăng hái, động lực sáng tạo và sự quan tâm đến chất lượng của đề tài. Do đó việc trao cho chủ nhiệm đề tài quyền chủ động, nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu của đề tài là cần thiết và phù hợp với yêu cầu đề cao vai trò cá nhân của hoạt động nghiên cứu khoa học. Nhằm phát huy tính năng động và tiềm năng sáng tạo của cán bộ nghiên cứu nhất là chủ nhiệm đề tài.

3.3. Đặc điểm của việc giao quyền chủ động cho chủ nhiệm đề tài

Giao quyền chủ động cho chủ nhiệm đề tài là một tất yếu khách quan nhưng cũng phụ thuộc vào hoàn cảnh nhất định. Nghĩa là chủ nhiệm đề tài được giao quyền chủ động trong những việc cụ thể và trong những giai đoạn cụ thể của quá trình thực hiện đề tài.

Giao quyền chủ động cho chủ nhiệm đề tài không phải là một chế độ được xác lập theo tính chất “từ không đến có” mà chủ yếu là trao quyền dần dần từ ít đến nhiều, từ hẹp đến rộng. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài chỉ có thể thực hiện được trong điều kiện tồn tại cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học vĩ mô của nhà nước. Các cơ quan quản lý khoa học của Nhà nước tập trung vào chức năng quản lý nhà nước, đưa ra

những quy định chung là các định mức sàn làm cơ sở để chủ nhiệm đề tài quản lý trực tiếp, toàn diện hoạt động nghiên cứu của mình.

3.4. Nội dung giao quyền chủ động cho chủ nhiệm đề tài

a. Về nhiệm vụ nghiên cứu: Chủ nhiệm đề tài được quyền cụ thể hóa, xác định các vấn đề cần tập trung giải quyết, xây dựng đề cương chi tiết để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và bảo vệ đề cương này trước Hội đồng xét duyệt đề cương và lựa chọn chủ nhiệm đề tài. Sau khi đề cương đã được duyệt, trong quá trình thực hiện chủ nhiệm đề tài còn được quyền điều chỉnh nhỏ giữa những nội dung nghiên cứu. Việc thêm, bớt những nội dung nghiên cứu chính chủ nhiệm đề tài phải làm văn bản báo cáo đơn vị quản lý đề tài. Chủ nhiệm đề tài được quyền tự do lựa chọn phương pháp nghiên cứu, công bố kết quả nghiên cứu và được tự chủ trong quá trình nghiên cứu.

b. Về lực lượng tham gia nghiên cứu đề tài: Chủ nhiệm đề tài được toàn quyền lựa chọn đội ngũ cán bộ nghiên cứu, ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học với bất cứ cán bộ nghiên cứu nào có khả năng đóng góp vào kết quả nghiên cứu của đề tài. Mời các cán bộ nghiên cứu tham gia các cuộc hội thảo, đóng góp ý kiến vào các báo cáo kết quả nghiên cứu của đề tài. Mời các chuyên gia thẩm định và đánh giá các kết quả nghiên cứu chuyên đề và báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài.

c. Về kết quả nghiên cứu chuyên đề: Chủ nhiệm đề tài có quyền nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu chuyên đề. Chịu trách nhiệm về chất lượng của các chuyên đề và được quyền quyết định mức kinh phí thanh toán cho các chuyên đề tùy theo chất lượng và mức đã ký theo hợp đồng nghiên cứu.

- Theo văn bản 45/2001/TTLT Chủ nhiệm đề tài được quyền ký và nghiệm thu các hợp đồng nghiên cứu chuyên đề với đội ngũ cán bộ nghiên cứu. Chủ nhiệm đề tài cấp Tổng cục được ký các hợp đồng dưới 3 triệu đồng và chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở được ký các hợp đồng dưới 1,5 triệu đồng.

- Từ năm 2006, văn bản 93/2006/TTLT đã trao thêm cho chủ nhiệm đề tài nhiều quyền chủ động hơn. Cụ thể: Theo văn bản 45/2001/TTLT với các chuyên đề có chất lượng thấp chủ nhiệm đề tài có thể quyết toán hợp đồng với mức thấp hơn mức đã ký, nhưng với các chuyên đề có chất lượng cao chủ nhiệm đề tài cũng không được phép thanh toán cao hơn mức đã ký. Văn bản 93/2006/TTLT đã mở ra khả năng cho phép chủ nhiệm đề tài thanh toán cho các chuyên đề đạt kết quả tốt với mức cao hơn mức đã ký trong hợp đồng. Điều này sẽ khuyến khích cán bộ nghiên cứu đầu tư nhiều hơn cho sản phẩm nghiên cứu để có thể nhận được mức thu nhập cao hơn. Việc trao quyền này vừa phù hợp với cơ chế thị trường, vừa khuyến khích tính năng động, sáng

tạo của hoạt động nghiên cứu. Để đạt được hiệu quả cao, văn bản 93/2006/TTLT đã đưa thêm các giải pháp sau:

- Khoán tổng kinh phí thực hiện cho chủ nhiệm đề tài. Để làm được việc này, sau khi đề tài được Hội đồng thông qua đề cương và lựa chọn chủ nhiệm đề tài phê duyệt về nội dung nghiên cứu, đề cương chi tiết, tổng kinh phí và dự toán kinh phí cho từng nội dung, chủ nhiệm đề tài được khoán tổng kinh phí của đề tài. Chủ nhiệm đề tài được quyền chủ động cân đối lại các công việc giữa các mục dự toán, nhưng không vượt tổng kinh phí của đề tài. Số kinh phí chưa dùng hết chủ nhiệm đề tài có thể ký thêm hợp đồng nghiên cứu chuyên đề hoặc để lại phân phối sau khi đánh giá nghiệm thu đề tài. Phần kinh phí còn lại sau khi nghiệm thu đề tài được phân phối như sau:

+ Chia cho các cá nhân tham gia thực hiện đề tài có nhiều thành tích đóng góp cho thành công của đề tài, cụ thể như sau:

- 70% số kinh phí tiết kiệm được, nếu đề tài được đánh giá đạt mức A
- 60% số kinh phí tiết kiệm được, nếu đề tài được đánh giá đạt mức B
- 50% số kinh phí tiết kiệm được, nếu đề tài được đánh giá đạt mức C.

Mức chia cụ thể cho từng cá nhân tham gia thực hiện đề tài do chủ nhiệm đề tài quyết định sau khi thống nhất với thủ trưởng đơn vị chủ trì nghiên cứu.

+ Phần kinh phí tiết kiệm còn lại nộp vào quỹ đời sống của đơn vị chủ trì thực hiện đề tài.

Tất nhiên đã khoán tổng kinh phí thực hiện cho chủ nhiệm đề tài thì cũng phải thu hồi kinh phí đối với các đề tài không hoàn thành: Các đề tài không hoàn thành để tổ chức nghiệm thu hoặc được hội đồng đánh giá nghiệm thu xếp loại không đạt yêu cầu, đều coi là đề tài không hoàn thành. Các đề tài không hoàn thành phải có trách nhiệm hoàn lại một phần kinh phí của đề tài. Mức thu hồi từ 10% đến 30% tổng kinh phí của đề tài. Viện Khoa học Thống kê xem xét quyết định mức thu hồi cụ thể cho từng đề tài tùy theo nguyên nhân không hoàn thành là chủ quan hay khách quan. Số tiền thu hồi nộp vào ngân sách Nhà nước: 50% do chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm nộp lại, 50% trích từ quỹ hoặc các nguồn kinh phí tự có của đơn vị chủ trì đề tài.

- Để không phải chia quá nhỏ nội dung nghiên cứu, chủ nhiệm đề tài còn được quyền ký các hợp đồng nghiên cứu chuyên đề có nội dung tương đương đề tài vệ tinh (có mức kinh phí trên 3 triệu đồng). Để bảo đảm chất lượng và tính nghiêm túc của các chuyên đề nghiên cứu loại này, chủ nhiệm đề tài cần

tổ chức hội nghị bảo vệ đề cương và nghiệm thu chuyên đề có sự tham gia của lãnh đạo Viện và Phòng quản lý.

Như vậy, theo các chế độ quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và thực hành quản lý của cán bộ quản lý khoa học, chủ nhiệm đề tài đã có đầy đủ các quyền hành cần thiết để tổ chức thực hiện đề tài được giao. Thông qua đó cán bộ nghiên cứu cũng có thể nâng cao thu nhập của mình bằng cách hoàn thành tốt hơn chuyên đề của mình.

d. Về sử dụng kinh phí:

Chủ nhiệm đề tài được dự toán kinh phí cho các nội dung công việc sẽ tiến hành, trình cơ quan quản lý đề tài phê duyệt.

Trong quá trình thực hiện, dự toán kinh phí được phê duyệt cho từng đề tài là mức tối đa để thực hiện đề tài. Trong phạm vi tổng dự toán kinh phí của đề tài, căn cứ quy chế chi tiêu kinh phí của đề tài đã được ban hành của cơ quan quản lý đề tài chủ nhiệm đề tài được quyền tự chủ trong việc sử dụng dự toán kinh phí được duyệt để tổ chức thực hiện đề tài theo quy định sau:

+ Đối với nội dung chi trả về tiền công, thù lao cho cán bộ thực hiện các nội dung nghiên cứu, chuyên gia nhận xét, đánh giá, thẩm định, lao động khác tham gia trực tiếp thực hiện đề tài; chi hội thảo khoa học chủ nhiệm đề tài được quyền quyết định các mức chi cao hơn hoặc thấp hơn định mức quy định, tùy theo chất lượng và hiệu quả công việc đặt hàng nghiên cứu. Kể cả các hợp đồng nghiên cứu chuyên đề. Chủ nhiệm đề tài có thể thanh quyết toán cho các hợp đồng nghiên cứu chuyên đề với mức cao hơn, bằng hoặc thấp hơn mức đã ký trong hợp đồng nghiên cứu chuyên đề, tùy theo chất lượng kết quả đạt được.

+ Đối với nội dung chi công tác phí trong nước; chủ nhiệm đề tài được quyền quyết định mức thanh toán công tác phí cao hơn hoặc thấp hơn mức quy định hiện hành của nhà nước về chế độ công tác phí đối với cán bộ, công chức đi công tác địa phương phục vụ nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài.

+ Đối với nội dung chi về thu thập thông tin, sách báo, tư liệu, và các khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu chủ nhiệm đề tài được chủ động thực hiện các khoản chi này trên cơ sở yêu cầu của đề tài theo hướng tiết kiệm, có hiệu quả và đúng với hoạt động nghiệp vụ thực tế phát sinh khi thực hiện đề tài.

Đối với những nội dung chi không giao quyền chủ động cho chủ nhiệm đề tài thì phải chi tiêu theo quy định hiện hành của Nhà nước và trong phạm vi dự toán kinh phí được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp thủ trưởng đơn vị chủ trì và chủ nhiệm đề tài không thống nhất về mức chi, về điều chỉnh dự toán kinh phí các nội dung chi thì thủ trưởng đơn vị chủ trì là người quyết định cuối cùng và chịu trách nhiệm về quyết định đó, chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm thực hiện.

Trong trường hợp phải thay đổi mục tiêu, nội dung nghiên cứu chính của đề tài cho phù hợp với tình hình thực tế hoặc theo yêu cầu của đơn vị chủ trì.. Từ đó làm thay đổi cơ bản dự toán kinh phí của đề tài thì chủ nhiệm đề tài và thủ trưởng đơn vị chủ trì lập dự toán kinh phí điều chỉnh theo các mục tiêu, nội dung cần phải thay đổi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề tài quyết định. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc sử dụng kinh phí theo dự toán điều chỉnh của đề tài được thực hiện theo chế độ khoán kinh phí cho đề tài.

Để khuyến khích chủ nhiệm đề tài nâng cao chất lượng nghiên cứu, quản lý khoa học còn sử dụng biện pháp khen thưởng các đề tài đạt chất lượng cao.

Biện pháp khen thưởng các đề tài đạt chất lượng cao

Khi giao nhiệm vụ nghiên cứu và kế hoạch kinh phí cho đề tài chúng ta đều chưa tính đến kết quả nghiên cứu có thể có chất lượng khác nhau. Đối với các chuyên đề văn bản 93/2006/TTLT đã cho phép chủ nhiệm đề tài thanh toán cao hơn mức đã ký trong hợp đồng, thì đối với đề tài cũng cần được thưởng thỏa đáng đối với các đề tài được hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt chất lượng cao. Đề xuất mức thưởng hợp lý là rất quan trọng khi vận dụng biện pháp này.

Trong những năm qua hầu như chúng ta chưa khen thưởng cho đề tài nào. Một số đề tài đã được đề nghị nhưng số được phê duyệt còn quá ít. Chúng ta đã thành công bước đầu trong việc khen thưởng các đề tài hoàn thành đúng tiến độ năm nghiên cứu. Kết quả là số đề tài hoàn thành để tổ chức nghiệm thu đánh giá trong năm nghiên cứu đã tăng lên đáng kể.

Nội dung biện pháp khen thưởng các đề tài đạt chất lượng cao

Cần xây dựng một quy chế khen thưởng các đề tài nghiên cứu khoa học bao gồm các nội dung: Những tiêu chuẩn xét khen thưởng một đề tài và thành lập hội đồng xét khen thưởng. Viện trưởng Viện Khoa học Thống kê căn cứ vào kết quả làm việc của Hội đồng đề xuất danh sách và mức khen thưởng để lãnh đạo Tổng cục ra quyết định đối với các đề tài cấp Tổng cục và Viện trưởng ra quyết định khen thưởng đối với các đề tài cấp cơ sở. Mức thưởng cũng cần phải thỏa đáng, với 2 yêu cầu, một là với mức thưởng ấy chủ nhiệm đề tài cảm thấy những đóng góp của mình đã được đánh giá đúng và việc phải đánh giá thỏa đáng các kết quả nghiên cứu của đồng nghiệp là lợi ích

chung của toàn bộ những người tham gia nghiên cứu. Biểu hiện là chủ nhiệm đề tài tổ chức nghiệm thu nghiêm túc các chuyên đề và thanh toán theo đúng mức chất lượng mà những chuyên đề đó đạt được. Hai là, mức thưởng lúc đầu có thể chưa nhiều, nhưng sẽ tăng dần theo mức độ tăng chất lượng chung của các đề tài và mức độ chính xác của kết quả xếp loại của các hội đồng nghiệm thu. Các đề tài được đưa ra bình xét để khen thưởng có thể bao gồm:

+ Các đề tài được Hội đồng đánh giá nghiệm thu xếp loại giỏi và xuất sắc, có thể đưa thêm một số đề tài đạt điểm trung bình trên 8,6.

+ Thưởng đề tài triển khai đúng tiến độ, hoàn thành nội dung nghiên cứu.

+ Thưởng các đề tài có những đóng góp thiết thực cho nghiệp vụ chuyên môn của ngành.

+ Thưởng những đề tài viết báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề xuất được các sáng kiến hoặc có ý tưởng độc đáo có thể áp dụng ngay vào công tác chuyên môn.

+ ...v.v.

Hội đồng xét khen thưởng có từ 7 đến 9 thành viên là lãnh đạo các đơn vị chủ chốt trong Tổng cục, lãnh đạo ban thi đua ngành..., làm tư vấn cho lãnh đạo Tổng cục và Viện trưởng Viện Khoa học Thống kê xem xét các đề tài trên các mặt:

- Có đóng góp về mặt khoa học cho nghiệp vụ thống kê của ngành.

- Có giá trị thực tiễn đóng góp hoàn thiện nghiệp vụ của ngành.

- Có tác dụng thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của ngành.

Ngoài ra, xét chọn các đề tài theo tiêu thức riêng phù hợp với khía cạnh được khen thưởng của đề tài.

Khi chủ nhiệm đề tài đã có đủ phương tiện và quyền lực cần thiết để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu thì việc tổ chức đánh giá nghiêm túc kết quả của đề tài là yêu cầu hết sức quan trọng. Cùng với quy chế xét và khen thưởng các đề tài đạt chất lượng cao, đánh giá đúng đắn kết quả nghiên cứu sẽ là biện pháp thích hợp để nâng cao chất lượng nghiên cứu của các đề tài.

4. Đặc điểm sản phẩm nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiệm thu kết quả nghiên cứu bằng hội đồng nghiệm thu

4.1. Đặc điểm sản phẩm nghiên cứu khoa học

Sau quá trình triển khai nghiên cứu nói chung các sản phẩm của đề tài thể hiện dưới 2 hình thức: sản phẩm của đề tài là các báo cáo khoa học hoặc

là sản phẩm mẫu, vật hóa các kết quả nghiên cứu khoa học. Dù thể hiện dưới hình thức nào đây cũng là sản phẩm của trí tuệ, mang tính chất tri thức, trừu tượng. Giá trị sử dụng của sản phẩm nghiên cứu khoa học không phải ai cũng nhận ra, mà phải là những nhà chuyên môn và họ cũng đánh giá khác nhau. Khác với sản phẩm hàng hóa giá trị sử dụng của nó mọi người đều nhận ra và đánh giá giống nhau.

Đối với ngành Thống kê sản phẩm nghiên cứu là sản phẩm của trí tuệ do các nhà nghiên cứu thống kê tạo nên: bao gồm hệ thống các cơ sở lý luận, phương pháp luận thống kê, là hệ thống các bảng danh mục, các bảng phân ngành, hệ thống các chỉ tiêu thông tin thống kê, hệ thống các cơ sở dữ liệu... Qua thời gian nó luôn luôn được cải tiến và hoàn thiện phù hợp với yêu cầu cơ chế quản lý kinh tế của đất nước.

Do đặc điểm sản phẩm nghiên cứu khoa học và cách quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học là bằng bộ máy hành chính nên để đánh giá nghiệm thu các sản phẩm nghiên cứu khoa học sử dụng hình thức hội đồng nghiệm thu là phù hợp. Trên cơ sở ý kiến tham luận của các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài mới có thể đánh giá được hiệu quả của công tác nghiên cứu. Trong những năm qua ngành Thống kê đã tiến hành nghiệm thu các đề tài nghiên cứu thông qua Hội đồng nghiệm thu và thực tế đã chứng tỏ rằng phương pháp này là hợp lý.

4.2. Phương pháp nghiệm thu kết quả nghiên cứu bằng các hội đồng nghiệm thu

Các kết quả nghiên cứu khoa học phải bảo đảm tính khoa học, mới mẻ và có khả năng ứng dụng thực tế, đây là các tiêu thức rất định tính trong khi những lợi ích kinh tế trước mắt của nó thì lại chưa biểu hiện rõ, nên phương pháp đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu bằng các hội đồng nghiệm thu được cho là hợp lý hơn để thị trường đánh giá. Việc sử dụng hội đồng đánh giá nghiệm thu chắc chắn còn là biện pháp lâu dài ngay cả trong giai đoạn các cơ sở nghiên cứu tự chủ một phần hoặc toàn bộ kinh phí của mình. Trong các giai đoạn này vai trò của thị trường công nghệ sẽ lớn hơn nhưng vẫn chưa thay thế được hội đồng đánh giá nghiệm thu. Vì dù sao sản phẩm nghiên cứu khoa học, ngay cả công nghệ vẫn là sản phẩm trí tuệ chỉ là sản phẩm trung gian để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa cạnh tranh trên thị trường. Nhưng vai trò của thị trường sẽ ngày càng chi phối, tác động thông qua tiêu chuẩn đánh giá đề tài của hội đồng. Những công nghệ tạo ra những sản phẩm hàng hóa có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường sẽ được đánh giá cao.

Đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu đề tài khoa học là quá trình thẩm định, đánh giá các kết quả nghiên cứu của đề tài đã đạt được so với mục đích, yêu cầu và nội dung đã được duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.2.1. Về hội đồng nghiệm thu

- Đối với đề tài cấp cơ sở tổ chức nghiệm thu một lần và thành lập một hội đồng.

- Đối với đề tài cấp Tổng cục tổ chức nghiệm thu 2 lần (nghiệm thu sơ bộ và nghiệm thu chính thức) và mỗi lần nghiệm thu thành lập một hội đồng khác nhau.

Viện trưởng Viện Khoa học Thống kê Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu khoa học đề tài cấp cơ sở và nghiệm thu sơ bộ đề tài cấp Tổng cục;

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký quyết định về việc thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu khoa học đề tài cấp Tổng cục (nghiệm thu chính thức).

+ Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được thành lập có từ 5 -7 thành viên và Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tổng cục có 7 - 9 thành viên. Hội đồng gồm có chủ tịch hội đồng, 2 phản biện, 1 thư ký hội đồng và các ủy viên. Chủ nhiệm đề tài và các thành viên chính của đề tài không đưa vào danh sách Hội đồng.

Khi thành lập Hội đồng, cán bộ phòng quản lý đã căn cứ vào nội dung nghiên cứu của các đề tài để lựa chọn đề xuất những thành viên tham gia hội đồng cho phù hợp.

- Đối với những đề tài mang tính lý luận chung thì các thành viên tham gia thường là: Thành viên của Viện Khoa học Thống kê; Các vụ Thuộc Tổng cục Thống kê; Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và một số Bộ, ngành có liên quan.

- Những đề tài mang tính chất ứng dụng thực tế thành viên tham gia ngoài các đơn vị trên còn có thêm thành viên của các Cục thống kê Tỉnh, Thành phố.

+ Các thành viên được đưa vào tham gia Hội đồng là các cán bộ có trình độ đại học trở lên, có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ có kinh nghiệm nghiên cứu và am hiểu sâu về lĩnh vực nghiên cứu của đề tài và những thành viên đã tham gia Hội đồng xét duyệt đề cương đề tài được ưu tiên xem xét mời tham gia hội đồng đánh giá nghiệm thu.

4.2.2. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu đề tài

Đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu khoa học là quá trình thẩm định, đánh giá các kết quả nghiên cứu của đề tài đã đạt được so với mục đích, yêu cầu và nội dung đã được duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Việc đánh giá, nghiệm thu các đề tài phải tuân theo các nguyên tắc sau:

+ Việc tiến hành đánh giá nghiệm thu đề tài phải được tiến hành dân chủ, bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài và đơn vị quản lý Nhà nước về khoa học công nghệ theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.

+ Việc đánh giá nghiệm thu đề tài phải căn cứ vào thuyết minh đăng ký đề tài đã được phê duyệt, vào hợp đồng khoa học đã ký kết. Tài liệu để đánh giá là báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài và trình bày của chủ nhiệm đề tài trước hội đồng nghiệm thu.

+ Việc đánh giá, nghiệm thu các đề tài phải được tiến hành đúng quy trình, bảo đảm nghiêm túc, trung thực, dân chủ, công khai, khách quan, chính xác và công bằng... để có thể đánh giá chính xác nhất kết quả đề tài đã đạt được.

4.2.3. Phương thức đánh giá nghiệm thu đề tài

Việc đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả của đề tài phải được thực hiện trên cơ sở đánh giá của một hội đồng khoa học. Hội nghị nghiệm thu sơ bộ, được tiến hành sau khi các đề tài cấp tổng cục đã kết thúc giai đoạn nghiên cứu, là bước chuẩn bị để đánh giá nghiệm thu chính thức, là hội nghị của ban chủ nhiệm đề tài với đơn vị quản lý đề tài - Viện khoa học thống kê - nhằm góp ý để Ban chủ nhiệm đề tài hoàn chỉnh kết quả nghiên cứu đã đạt được và xem xét các điều kiện để đưa ra bảo vệ chính thức. Hội nghị nghiệm thu chính thức sẽ đánh giá toàn diện kết quả nghiên cứu của đề tài.

Hội đồng đánh giá nghiệm thu thực hiện việc đánh giá, nghiệm thu đề tài thông qua phiên họp của Hội đồng được tổ chức công khai, sau khi có ý kiến nhận xét bằng văn bản của các thành viên hội đồng và bỏ phiếu đánh giá, xếp loại đề tài.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại của Hội đồng đánh giá nghiệm thu để xem xét, quyết định công nhận kết quả của đề tài cấp Tổng cục và viện trưởng Viện Khoa học Thống kê căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại của Hội đồng đánh giá nghiệm thu để xem xét, quyết định công nhận kết quả của đề tài cấp cơ sở.

4.2.4. Các tiêu thức đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học

Kết quả nghiên cứu của đề tài được đánh giá trên 2 khía cạnh: nội dung và hình thức.

+ Về mặt hình thức phải đảm bảo cấu trúc của một báo cáo khoa học, bao gồm: tên gọi nội dung nghiên cứu, các thành viên tham gia nghiên cứu, mục lục, phần mở đầu, phần kết quả nghiên cứu, kết luận - kiến nghị và danh mục tài liệu tham khảo.

+ Về nội dung các kết quả nghiên cứu khoa học được đánh giá theo các tiêu chuẩn sau:

- Giá trị khoa học
- Khả năng áp dụng vào thực tiễn
- Tính mới mẻ, độc đáo.

Các tiêu chuẩn này là các tiêu chuẩn định tính. Đối với sản phẩm nghiên cứu khoa học, được đánh giá bằng các tiêu chí định tính và các chỉ tiêu định tính này lại không có được hệ thống các chỉ tiêu định lượng hỗ trợ, do đó mỗi thành viên hội đồng có thể có cảm nhận rất khác nhau về giá trị khoa học. Người đánh giá lại phải định lượng mức độ khoa học của từng sản phẩm nghiên cứu khoa học để cho điểm nên là một việc rất khó khăn.

Những thuộc tính sau làm tăng mức độ giá trị khoa học của kết quả nghiên cứu:

- Có ý tưởng giải quyết vấn đề đặt ra và ý tưởng đó được trình bày xuyên suốt toàn bộ báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu một cách hệ thống.

- Báo cáo kết quả nghiên cứu trình bày mạch lạc, chặt chẽ, không mâu thuẫn nhau và các lập luận được trình bày trong báo cáo có giá trị thuyết phục cao.

- Tính xác thực, phong phú, và độ tin cậy cao của các thông tin, số liệu đã thu thập ... được sử dụng trong đề tài.

- Đọc xong báo cáo kết quả nghiên cứu, người đọc thấy vấn đề trở nên sáng sủa, dễ nhận thức và kiểm soát được.

Các thuộc tính làm giảm mức độ giá trị khoa học của kết quả nghiên cứu:

- Diễn đạt làm cho vấn đề trở nên phức tạp, không hệ thống và làm người đọc không biết tác giả muốn thuyết phục điều gì, hoặc chỉ đưa ra các yêu cầu mà không có các biện pháp giải quyết hợp lý.

- Các tài liệu minh họa là các trường hợp cá biệt, v.v...

Nói chung mức độ của giá trị khoa học là một nhận định sau khi đã nghiên cứu kỹ sản phẩm kết quả nghiên cứu, tất nhiên nó cũng bị ảnh hưởng

bởi trạng thái tâm lý tức thời lúc đó của người đánh giá. Để hạn chế những tác động này, hội đồng đánh giá, nghiệm thu cần có từ 5 đến 7 thành viên.

+ Khả năng áp dụng vào thực tiễn của kết quả nghiên cứu là cảm nhận của người đọc đối với các hướng sau:

- Cung cấp các luận cứ khoa học cho việc xây dựng các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của ngành, phương án điều tra, các báo cáo phân tích - dự báo của ngành....hoặc:

- Góp phần giải quyết những vấn đề của thực tiễn, nâng cao chất lượng công tác chuyên môn, đóng góp cho công tác đào tạo và nghiên cứu của ngành.

+ Sản phẩm nghiên cứu khoa học phải là kết quả nghiên cứu mới mẻ có tính sáng tạo và độc đáo. Tính mới mẻ cũng là rất tương đối: một vấn đề đã nghiên cứu nhiều năm, nhưng đến nay mới phát hiện ra một cách tiếp cận mới có thể góp phần giải quyết được vấn đề đặt ra, thì cũng vẫn được coi là mới.

+ Riêng tiêu chuẩn đúng tiến độ nghiên cứu thì thuận lợi hơn cả.

4.2.5. Tổ chức đánh giá nghiệm thu

+ Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài, Viện Khoa học Thống kê phải tiến hành tổ chức họp Hội đồng. Hội đồng chỉ tiến hành họp khi có từ 2/3 số uỷ viên tham dự, trong đó số phản biện không được vắng mặt quá 1 người và khi vắng mặt phản biện phải gửi bản nhận xét đánh giá cho hội đồng.

+ Hội đồng đánh giá kết quả nghiên cứu dựa theo báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu có đối chiếu với đề cương đã được duyệt. Quá trình đánh giá được thực hiện theo thể thức cho điểm (thang điểm 10) và bỏ phiếu kín. Điểm của các thành viên trong hội đồng có giá trị như nhau. Điểm bình quân của các thành viên Hội đồng sẽ là tiêu chuẩn cuối cùng để đánh giá phân loại kết quả nghiên cứu.

Kết quả phân loại theo các mức điểm như sau:

- Điểm bình quân đạt 9,5 điểm trở lên (không có điểm 8) đạt loại xuất sắc. Nếu có ít nhất một điểm 8 thì hạ xuống một loại.

- Điểm bình quân đạt từ 8,5 đến dưới 9,5 điểm (không có điểm 6,5) đạt loại giỏi. Nếu có ít nhất một điểm 6,5 hạ xuống một loại.

- Điểm bình quân đạt từ 7 đến dưới 8,5 điểm (không có điểm 5) đạt loại khá. Nếu có ít nhất một điểm 5 hạ xuống một loại.

- Điểm bình quân đạt từ 5 đến dưới 7 điểm đạt loại trung bình.
- Điểm bình quân dưới 5 điểm là chưa đạt.

Các đề tài đạt loại giỏi và xuất sắc phải có ít nhất 2 bài báo đối với đề tài cấp Tổng cục và 1 bài báo đối với đề tài cấp cơ sở liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài đăng trên tờ Thông tin khoa học thống kê hoặc các tạp chí khoa học khác.

5. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý đề tài khoa học sau nghiệm thu và công tác triển khai kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tế công tác thống kê

Viện Khoa học Thống kê sau 30 năm hoạt động, tính từ năm 1981 đến năm 2007 có hơn 300 đề tài khoa học và một số kết quả nghiên cứu thuộc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học khác (như Hợp đồng phối hợp nghiên cứu khoa học với Cục Thống kê tỉnh, thành phố và các đơn vị khác; nhiệm vụ nghiên cứu triển khai thực tế; các báo cáo khoa học; v.v...). Tuy nhiên vấn đề quản lý kết quả nghiên cứu sau nghiệm thu và triển khai kết quả nghiên cứu đưa vào ứng dụng trong thực tế chưa được quan tâm đúng mức. Để nâng cao hiệu quả chung của hoạt động nghiên cứu khoa học của ngành Thống kê trong thời gian tới cần hoàn thiện công tác quản lý đề tài khoa học sau nghiệm thu và triển khai kết quả nghiên cứu vào ứng dụng trong nghiệp vụ Thống kê.

5.1. Thực trạng công tác quản lý các đề tài khoa học sau nghiệm thu

Với số lượng hơn 300 kết quả đề tài khoa học và gần 100 kết quả nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ khác, công tác quản lý kết quả nghiên cứu khoa học sau nghiệm thu chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác quản lý khoa học và tra cứu của cán bộ, trong thực tế kết quả nghiên cứu được quản lý theo 2 cách: Dạng văn bản và trên máy tính, kết quả nghiên cứu đề tài khoa học của ngành Thống kê được lưu trữ ở: Trung tâm Thông tin Khoa học công nghệ Quốc gia - Bộ Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Thông tin Khoa học Thống kê và Phòng Quản lý Khoa học và Đào tạo thuộc Viện Khoa học Thống kê.

Các tài liệu bao gồm:

- + Kết quả đề tài nghiên cứu khoa học (gồm đề tài: cấp Nhà nước; cấp Tổng cục và cấp cơ sở);
- + Kết quả nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (gồm: hợp đồng nghiên cứu khoa học phối hợp với Cục Thống kê tỉnh, thành phố và các đơn vị khác; nhiệm vụ nghiên cứu triển khai; v.v...)

Lưu trữ kết quả nghiên cứu khoa học của ngành Thống kê tại Viện Khoa học Thống kê:

a. Phòng Quản lý Khoa học và Đào tạo:

Các tài liệu liên quan đến kết quả nghiên cứu khoa học được lưu giữ tại Phòng Quản lý Khoa học và Đào tạo bao gồm:

+ Hồ sơ hành chính của các đề tài

+ Kết quả nghiên cứu khoa học.

Hồ sơ hành chính của các đề tài bao gồm:

- Phiếu đăng ký đề tài

- Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học

- Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu

- Biên bản hội nghị nghiệm thu kết quả nghiên cứu

- Phiếu đăng ký kết quả nghiên cứu

- Giấy chứng nhận kết quả nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu được lưu trữ theo hai dạng: Dạng Hard copy và dạng Soft copy.

- Lưu trữ dạng Hard copy:

Báo cáo toàn văn gồm: báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt - Đề tài khoa học và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, được sắp xếp theo năm thực hiện tại Phòng Quản lý khoa học và đào tạo.

- Lưu trữ dạng Soft copy:

+ Danh mục đề tài khoa học: Lưu trữ trên cơ sở phần mềm Excel, được phân tổ theo một số tiêu thức chủ yếu sau:

- Danh mục đề tài khoa học phân theo năm thực hiện;

- Danh mục đề tài khoa học phân theo cấp quản lý;

- Danh mục đề tài khoa học phân theo đơn vị chủ trì;

- Danh mục đề tài khoa học phân theo chủ nhiệm thực hiện đề tài;

- Danh mục đề tài khoa học phân theo lĩnh vực nghiên cứu;

- Danh mục đề tài khoa học phân theo chủ đề nghiên cứu;

+ Báo cáo toàn văn: Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt của một số đề tài (năm 2004-2006) được lưu trữ trên cơ sở phần mềm Microsoft word.

b. Trung tâm Thông tin Khoa học Thống kê:

Kết quả nghiên cứu lưu trữ theo hai dạng: Dạng Hard copy và dạng Soft copy.

- Lưu trữ dạng Hard copy báo cáo toàn văn: báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài được sắp xếp theo năm thực hiện tại Trung tâm Thông tin Khoa học Thống kê.

- Lưu trữ dạng Soft copy: Kết quả đề tài dự kiến lưu trữ trên cơ sở phần mềm CDS/ISIS for Windows Version 1.5.

- Năm 2007 Trung tâm Thông tin Khoa học Thống kê đã cập nhật thử nghiệm một số kết quả đề tài khoa học năm 2005, theo một số tiêu thức:

- + Tên chủ nhiệm đề tài;
- + Thư ký đề tài;
- + Tên đề tài;
- + Số lượng trang báo cáo;
- + Thời gian thực hiện;
- + Cơ quan quản lý khoa học công nghệ;
- + Từ khoá;
- + Tóm tắt đề tài;

5.2. Một số nhận xét công tác lưu trữ kết quả nghiên cứu khoa học của ngành Thống kê tại Viện Khoa học Thống kê

a. Những vấn đề đạt được:

- Công tác lưu trữ kết quả nghiên cứu khoa học của ngành Thống kê trong những năm gần đây ngày càng được quan tâm và hoàn thiện hơn, bước đầu đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lưu trữ.

- Kết quả nghiên cứu khoa học (đề tài khoa học từ năm 2000 đến nay) bản Hard copy đóng bìa cứng xếp theo năm thực hiện và báo cáo toàn văn của một số đề tài được lưu trữ dạng Soft copy trên cơ sở phần mềm Microsoft word (tại phòng Quản lý khoa học và Đào tạo) và lưu trữ trên cơ sở phần mềm CDS/ISIS for Windows Version 1.5 (bắt đầu cập nhật thử nghiệm một số đề tài khoa học năm 2005 tại Trung tâm Thông tin Khoa học Thống kê).

b. Những mặt còn hạn chế:

- Mặc dù đã có sự quan tâm trong công tác lưu trữ kết quả nghiên cứu, nhưng mức độ đầu tư cơ sở vật chất đối với công tác lưu trữ chưa được quan tâm đúng mức, đặc biệt phần ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác

quản lý các kết quả nghiên cứu (đề tài khoa học) chưa được đầu tư, phần mềm đang ứng dụng Excel (tại Phòng Quản lý Khoa học và đào tạo) chưa thật thích hợp cho yêu cầu tra cứu thông tin kết quả nghiên cứu.

- Kết quả nghiên cứu khoa học (loại trừ các đề tài khoa học), các báo cáo chuyên đề nhánh, hồ sơ đề tài, các sản phẩm hợp đồng phối hợp với địa phương và các đơn vị khác, các nhiệm vụ nghiên cứu chưa được lưu trữ dạng Soft copy, mới lưu trữ dạng Hard copy, ứng dụng công nghệ thông tin đối với các sản phẩm nghiên cứu này chưa được đề cập đến trong thực tế.

Nguyên nhân của những tồn tại:

- Cán bộ có kinh nghiệm trong công tác quản lý quá ít so với đáp ứng yêu cầu công tác quản lý khoa học trong toàn ngành;

- Đầu tư xây dựng quản lý cơ sở dữ liệu kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ công tác quản lý nhà nước nói chung và công tác quản lý khoa học nói riêng chưa được các nhà lãnh đạo quan tâm;

- Chưa đề xuất kế hoạch và lộ trình cần hoàn thiện công tác lưu trữ kết quả nghiên cứu một cách khoa học và có tính khả thi trong thực tiễn.

5.3. Thực trạng công tác triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế của ngành Thống kê

Với số lượng hơn 300 kết quả đề tài khoa học được nghiệm thu và gần 100 kết quả nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ khác (từ năm 1981-2006), số lượng kết quả nghiên cứu khoa học được triển khai ứng dụng trong công tác thống kê chưa nhiều (khoảng 10-15%), cụ thể một số kết quả nghiên cứu khoa học nổi bật được ứng dụng và thể chế hoá thành văn bản pháp quy áp dụng trong ngành Thống kê từ năm 2000-2006 như sau:

STT	Tên đề tài	Kết quả triển khai ứng dụng
1	Nghiên cứu cơ sở lý luận - thực tiễn và nguyên tắc phục vụ việc xây dựng Luật thống kê	Phục vụ xây dựng và ban hành Luật Thống kê (Số 04/2003/QH 11 ngày 17 tháng 6 năm 2003) của Chủ tịch Quốc Hội
2	Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê Nhà nước	Phục vụ Ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê Quốc gia (Quyết định số 305/2005/QĐ-TTg, ngày 24/11/2005) của Thủ tướng Chính phủ
3	Nghiên cứu đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học Thống kê	Đề án đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học Thống kê (Quyết định số 416/2004/QĐ-TCTK, ngày 30/6/2004) của Tổng cục trưởng TCTK

4	Nghiên cứu hoàn thiện bảng phân loại giáo dục - đào tạo và danh mục nghề nghiệp	Phục vụ Ban hành Hệ thống Phân ngành Kinh tế Quốc Dân (Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg, ngày 23/1/2007) của Thủ tướng Chính phủ
5	Nghiên cứu biên soạn danh mục từ điển 3 thứ tiếng (Anh, Pháp, Việt)	Xuất bản cuốn sách danh mục từ điển 3 thứ tiếng (Anh, Pháp, Việt)
6	Nghiên cứu đổi năm gốc so sánh sang năm 2005 của một số chỉ tiêu trong thống kê tài khoản quốc gia	Chuyển đổi hệ thống chỉ số giá năm 1994 theo giá so sánh
7	Nghiên cứu biên soạn từ điển Thống kê Việt Nam	Dự thảo xuất bản cuốn từ điển thống kê Việt Nam
8	Nghiên cứu xây dựng chương trình điều tra thống kê quốc gia	Dự thảo chương trình điều tra thống kê quốc gia

- Sở dĩ số lượng (10%-15%) kết quả đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng trong công tác thống kê thấp như vậy, là do những năm qua số lượng đề tài, nhiệm vụ khoa học và hợp đồng khoa học triển khai nghiên cứu quá nhiều, nội dung nghiên cứu manh mún, chưa giải quyết dứt điểm từng phần còn vướng mắc trong công tác nghiệp vụ thống kê.

- Số lượng đề tài và kinh phí đầu tư nghiên cứu khoa học còn rải đều ở các đơn vị trong Tổng cục, trong khi đó Viện Khoa học Thống kê đơn vị nghiên cứu chủ lực thì số lượng đề tài, kinh phí nghiên cứu khoa học cũng như cán bộ trực tiếp làm công tác nghiên cứu khoa học còn quá ít.

- Các đề tài nghiên cứu khoa học tại các đơn vị chủ yếu mang tính chất giải quyết công việc thường xuyên của đơn vị mình, nội dung nghiên cứu nặng về giải pháp thực tế ít tính khoa học, chưa đề xuất lộ trình để giải quyết tổng thể các vấn đề hiện nay còn đang vướng mắc trong công tác chuyên môn nghiệp vụ của ngành Thống kê.

- Do nhận thức của một số nhà lãnh đạo coi công tác quản lý khoa học là công việc mang tính chất hành chính do vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác quản lý khoa học và chất lượng công tác nghiên cứu khoa học của toàn ngành Thống kê trong thời gian qua.

5.4. Kinh nghiệm quản lý kết quả nghiên cứu đề tài khoa học và triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu ở một số đơn vị:

a. Lưu trữ kết quả nghiên cứu khoa học tại Trung tâm Thông tin Công nghệ Quốc gia:

Cơ sở dữ liệu kết quả nghiên cứu đề tài khoa học tại Trung tâm Thông tin Khoa học công nghệ quốc gia được lưu trữ theo hai dạng: Dạng Hard copy và dạng Soft copy.

- Lưu trữ dạng Hard copy báo cáo toàn văn: báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài được sắp xếp theo năm thực hiện, phân tổ theo các Bộ; ngành; Tổ chức khoa học và công nghệ tại Trung tâm Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc gia.

- Lưu trữ dạng Soft copy: Kết quả đề tài lưu trữ trên cơ sở phần mềm CDS/ISIS for Windows 8 bit. Các tiêu thức được cập nhật trong cơ sở dữ liệu bao gồm:

- + Tên báo cáo (tên đề tài khoa học).
- + Cấp quản lý đề tài: Nhà nước; Bộ; Địa phương; Cơ sở.
- + Chủ nhiệm đề tài: Họ và tên; Học hàm; Học vị.
- + Cán bộ phối hợp nghiên cứu: Họ và tên; Học hàm; Học vị.
- + Cơ quan chủ trì đề tài;
- + Cơ quan chủ quản;
- + Cơ quan quản lý đề tài;
- + Số đăng ký đề tài;
- + Mã số đề tài (Thuộc chương trình):
- + Lĩnh vực nghiên cứu: Tự nhiên; Nông nghiệp; Y tế; Kinh tế; Xã hội.
- + Kinh phí thực hiện;
- + Năm hoàn thành báo cáo;
- + Nơi viết báo cáo;
- + Đặc trưng khối lượng (số lượng trang báo cáo);
- + Địa chỉ lưu trữ tài liệu;
- + Chỉ số đề mục quốc gia;
- + Từ khoá;
- + Tóm tắt báo cáo (đề tài).

Các kết quả nghiên cứu khoa học lưu trữ trên cơ sở dữ liệu rất thuận tiện cho việc tìm kiếm, tra cứu theo chủ nhiệm đề tài; lĩnh vực nghiên cứu; đơn vị chủ trì thực hiện; cơ quan chủ quản; v.v...

b. Triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu

- Viện Công nghệ Thông tin

Các đề tài nghiên cứu khoa học sau nghiệm thu đều có sự lựa chọn đưa vào triển khai ứng dụng thử nghiệm trong thực tế. Các đề tài khoa học đề xuất đưa vào triển khai ứng dụng trong thực tế, gồm một số tiêu thức chủ yếu sau:

Hợp đồng triển khai ứng dụng:

- + Tên nhiệm vụ khoa học;
- + Chủ nhiệm thực hiện;
- + Đối tác: Chủ nhiệm thực hiện sẽ ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào cơ quan thực tế;
- + Năm thực hiện;
- + Nội dung: Triển khai ứng dụng;
- + Dự kiến kết đạt được sau triển khai ứng dụng;
- + Dự kiến hiệu quả kinh tế.

- Viện Khoa học Công nghệ Thông tin thuộc Bộ Công nghiệp

Các đề tài nghiên cứu khoa học sau nghiệm thu đều lựa chọn đưa vào triển khai ứng dụng thử nghiệm trong thực tế và được phân loại theo các chủ đề nghiên cứu, ví dụ: Lĩnh vực khai thác hầm mỏ; Lĩnh vực khai thác lộ thiên; Lĩnh vực an toàn mỏ; v.v... Tất cả các kết quả nghiên cứu được triển khai trong thực tế đều gắn với địa chỉ của đơn vị đã ứng dụng thử nghiệm, có ý kiến Chuyên gia nhận xét đánh giá, khảo sát mức độ ứng dụng trong thực tế.

5.5. Đề xuất một số biện pháp quản lý đề tài sau nghiệm thu và triển khai kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tế của ngành thống kê

a. Một số biện pháp quản lý đề tài sau nghiệm thu

Công tác quản lý đề tài sau nghiệm thu được thực hiện theo Quyết định số: 03/2007/QĐ-BKHHCN, ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy chế “*Đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và Công nghệ*”. Xuất phát từ yêu cầu đó, đề tài đề xuất một số biện pháp quản lý đề tài sau nghiệm thu như sau:

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý kết quả nghiên cứu khoa học nói chung và đề tài khoa học nói riêng của Ngành Thống kê (gồm: báo cáo toàn văn và một số tiêu thức chủ yếu liên quan đến đề tài). Cơ sở dữ liệu được xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu được áp dụng tại trung tâm Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc gia cho phù hợp với thực tế và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý khoa học trong ngành Thống kê.

2. Công bố kết quả nghiên cứu khoa học của đề tài trên trang Web của Viện Khoa học Thống kê và tờ Thông tin Khoa học Thống kê sau nghiệm thu

chính thức, tránh trường hợp đề tài nghiên cứu trùng lặp giữa các năm và giữa các đơn vị, cá nhân chủ trì thực hiện.

3. Duy trì công việc lưu trữ và quản lý kết quả đề tài nghiên cứu khoa học bằng bản Hard copy đóng bìa cứng và sắp xếp theo năm thực hiện đề tài.

4. Tăng cường và nâng cao vai trò cán bộ làm công tác quản lý khoa học, đặc biệt công tác quản lý kết quả đề tài sau nghiệm thu.

5. Xây dựng quy chế quản lý kết quả đề tài nghiên cứu khoa học sau nghiệm thu áp dụng trong ngành Thống kê.

6. Duy trì công tác đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (kết quả đề tài khoa học) sau nghiệm thu với Trung tâm Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc gia - Bộ Khoa học và Công nghệ.

b. Một số biện pháp triển khai kết quả nghiên cứu ứng dụng trong thực tế của ngành Thống kê

Để phát huy hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học nói chung và công tác nghiên cứu khoa học thống kê nói riêng, đề tài đề xuất một số biện pháp để triển khai kết quả nghiên cứu ứng dụng trong thực tế của ngành Thống kê như sau:

1. Hàng năm Phòng Quản lý Khoa học và Đào tạo rà soát các kết quả đề tài khoa học được Hội đồng nghiệm thu chính thức đánh giá xếp loại giỏi, xuất sắc kiến nghị với Lãnh đạo Viện Khoa học Thống kê đưa vào triển khai ứng dụng vào thực tế công tác Thống kê trong năm kế tiếp năm kế hoạch.

2. Nhóm các nội dung nghiên cứu khoa học (đăng ký nhỏ lẻ, manh mún) theo chủ đề nghiên cứu để hình thành đề tài khoa học lớn giải quyết dứt điểm từng phần nghiệp vụ còn vướng mắc trong công tác thống kê, sau nghiệm thu chính thức hoặc kết hợp đồng thời trong quá trình nghiên cứu yêu cầu phải có phần triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác thống kê (ví dụ như phân: tính toán thử nghiệm, v.v...)

3. Trong khâu thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả nghiên cứu cần có thành viên của đơn vị sử dụng kết quả nghiên cứu tham gia phản biện đề tài, yêu cầu đơn vị cho ý kiến đánh giá cụ thể đối với kết quả nghiên cứu, dự kiến mức độ áp dụng được trong thực tế công tác thống kê như thế nào?

4. Trước khi kết thúc tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch khoa học công nghệ 5 năm và chuẩn bị xây dựng kế hoạch khoa học 5 năm cho giai đoạn mới, Phòng Quản lý khoa học và Đào tạo nên đề xuất thực hiện một cuộc khảo sát xem xét hiệu quả các kết quả đề tài nghiên cứu khoa học, mức độ được áp dụng trong thực tế công tác thống kê bao nhiêu? đối với các đơn

vị và cá nhân chủ trì thực hiện nghiên cứu đề tài và đơn vị sử dụng kết quả đề tài sau nghiệm thu.

5. Một số kết quả nghiên cứu khoa học với chủ đề nghiên cứu phương pháp luận thống kê; Các chỉ tiêu, chỉ số thống kê mới hay nghiên cứu các phương pháp thống kê hiện đại và khả năng ứng dụng ở Việt Nam, v.v... sau nghiệm thu nên khuyến khích các chủ nhiệm đề tài khoa học hoàn thiện và biên soạn thành cuốn sách phổ biến thông tin rộng rãi trong và ngoài ngành Thống kê.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Do đặc điểm của mình, hoạt động nghiên cứu khoa học có thể được quản lý bằng cả cơ chế hành chính và các biện pháp phù hợp với cơ chế thị trường. Trong thời gian qua đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đã thực hành các biện pháp hành chính và đã đạt được những kết quả nhất định. Để hoạt động nghiên cứu khoa học ngày càng đạt hiệu quả tốt hơn, theo kịp những đổi mới về cơ chế quản lý hoạt động này, đề tài đã nghiên cứu, đánh giá và đề xuất những đổi mới nhằm làm cho việc vận dụng những biện pháp này mang lại nhiều hiệu quả hơn. Bên cạnh việc hoàn thiện nội dung của từng phương pháp, hướng chung là vận dụng các phương pháp quản lý phù hợp với cơ chế thị trường và đặc điểm của hoạt động nghiên cứu khoa học.

Để công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học đi dần vào nề nếp và đạt hiệu quả cao, ban chủ nhiệm đề tài đề xuất một số kiến nghị sau:

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển dựa trên 2 nền tảng: Phát huy tính năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ nghiên cứu và trình độ quản lý hoạt động này của đội ngũ cán bộ quản lý. Để có được các cán bộ quản lý thích hợp cần thường xuyên đào tạo, nâng cao trình độ. Những cán bộ quản lý giỏi là vốn quý của Viện không kém gì cán bộ nghiên cứu giỏi.

2. Khẳng định với Bộ Khoa học và Công nghệ việc tồn tại Phòng Quản lý Khoa học và Đào tạo trong Viện Khoa học Thống kê là cần thiết. Theo phương thức cũ phòng quản lý được giao những nhiệm vụ có cái vượt quá sức mình, có cái chỉ là công việc hành chính sự vụ. Nhiệm vụ nặng quá thì không làm được nên nhiều khi trở thành chỉ làm các công việc hành chính. Theo đó cán bộ quản lý không thể hiện được vai trò của mình. Trong phương thức quản lý phù hợp với cơ chế thị trường, Bộ Khoa học và Công nghệ và phòng quản lý các Viện có nhiệm vụ khác nhau, bổ sung cho nhau hoàn thành nhiệm vụ chung. Nhiệm vụ của cán bộ quản lý theo phương thức này rõ ràng hơn và phù hợp với khả năng của mình nên có thể thực hiện tốt và thông qua đó nâng cao vai trò của mình. Với phương thức này Phòng Quản lý

sẽ có vai trò tích cực hơn cho hoạt động nghiên cứu của Viện Khoa học Thống kê.

3. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện khoa học quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học để trang bị kiến thức cho cán bộ quản lý hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Ban chủ nhiệm đề tài hy vọng rằng với kết quả nghiên cứu của mình, có thể góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý khoa học của Viện Khoa học Thống kê và thông qua đó đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu của ngành. Để đề tài được hoàn thiện hơn tôi rất mong được sự đóng góp ý kiến của các cán bộ nghiên cứu.